



Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025



Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thông tin về Tập đoàn

Quyết định Thành lập số 974/QĐ-TTg

ngày 25 tháng 6 năm 2010

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Doanh nghiệp số 0100100008

ngày 29 tháng 1 năm 2015

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã được sửa đổi nhiều lần và lần gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100100008 ngày 6 tháng 10 năm 2021. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Tiến Trường
Ông Trần Quang Nghị
Ông Cao Hữu Hiếu
Ông Đặng Vũ Hùng
Ông Vũ Hồng Tuấn
Ông Nguyễn Xuân Đông
Bà Lê Ngọc Diệp

Chủ tịch
Phó Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên
(từ ngày 16/6/2025)

Cơ quan Tổng Giám đốc

Ông Cao Hữu Hiếu
Ông Nguyễn Song Hải
Ông Phạm Văn Tân
Ông Lê Mạc Thuấn
Ông Nguyễn Đức Trị
Ông Lê Trung Hải

Ông Phạm Xuân Trinh
Ông Nguyễn Hùng Quý

Bà Nguyễn Thị Thu Hiền

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
(đến ngày 30/6/2025)
Giám đốc điều hành
Giám đốc điều hành
(từ ngày 1/8/2025)
Giám đốc điều hành
(từ ngày 1/8/2025)

Ban Kiểm soát

Bà Trần Thị Thu Hằng
Bà Đoàn Thị Thu Hương
Bà Đặng Thị Hồng Lê
Bà Nguyễn Thanh Lê
Bà Bùi Việt Phương

Trưởng ban
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên
(từ ngày 16/6/2025)

Trụ sở đăng ký

25 Phố Bà Triệu, Phường Cửa Nam
Hà Nội, Việt Nam
(địa chỉ trước khi thay đổi địa giới hành chính:
25 Phố Bà Triệu, Phường Hàng Bài
Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam)

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Báo cáo của Cơ quan Tổng Giám đốc

Cơ quan Tổng Giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt Nam trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Tập đoàn Dệt May Việt Nam và các công ty con (sau đây gọi chung là “Tập đoàn”) cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025.

Cơ quan Tổng Giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt Nam chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Cơ quan Tổng Giám đốc:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày từ trang 6 đến trang 81 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Cơ quan Tổng Giám đốc cho rằng Tập đoàn Dệt May Việt Nam sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Cơ quan Tổng Giám đốc đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

Thay mặt Cơ quan Tổng Giám đốc



Cao Hữu Hiếu
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 8 năm 2025



Công ty TNHH KPMG
Tầng 46, Tòa tháp Keangnam Landmark 72
Lô E6, Đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Trì
Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi các Cổ đông và Hội đồng Quản trị
Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Tập đoàn Dệt May Việt Nam, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Cơ quan Tổng Giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt Nam phê duyệt phát hành ngày 29 tháng 8 năm 2025, được trình bày từ trang 6 đến trang 81.

Trách nhiệm của Cơ quan Tổng Giám đốc

Cơ quan Tổng Giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt Nam chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Cơ quan Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Ngoại trừ giới hạn phạm vi soát xét được đề cập trong phần Cơ sở của kết luận soát xét ngoại trừ, chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở của kết luận soát xét ngoại trừ

Phần lãi trong công ty liên kết

Tập đoàn Dệt May Việt Nam đang ghi nhận khoản đầu tư vào Công ty TNHH Coats Phong Phú (“Coats Phong Phú”), một công ty liên kết của Tập đoàn, được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, với giá trị ghi sổ là 798.810 triệu VND trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 (1/1/2025: 1.219.557 triệu VND). Phần lãi từ Coats Phong Phú mà Tập đoàn Dệt May Việt Nam ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 là 190.455 triệu VND (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2024: lãi 217.774 triệu VND).

Do Coats Phong Phú không phải là đối tượng phải lập và soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ, chúng tôi không được tiếp cận với các sổ sách và tài liệu kế toán của Coats Phong Phú cho các kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 và ngày 30 tháng 6 năm 2024, cũng như không trao đổi được thông tin với đơn vị kiểm toán của công ty liên kết này, nên không thể thực hiện được các thủ tục soát xét cần thiết đối với khoản đầu tư vào Coats Phong Phú tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và phần lãi trong Coats Phong Phú mà Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã ghi nhận cho các kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 và ngày 30 tháng 6 năm 2024. Do đó, chúng tôi không thể xác định được các điều chỉnh có thể là cần thiết đối với các số liệu này nếu chúng tôi được tiếp cận với các sổ sách và tài liệu kế toán của Coats Phong Phú cũng như trao đổi thông tin với đơn vị kiểm toán của công ty liên kết này để thực hiện các thủ tục soát xét cần thiết.

Kết luận soát xét ngoại trừ

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng tiềm tàng của vấn đề được mô tả tại đoạn “Cơ sở của kết luận soát xét ngoại trừ”, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



Vấn đề cần nhấn mạnh – số liệu so sánh

Chúng tôi lưu ý đến Thuyết minh 49 của báo cáo tài chính hợp nhất trong đó đề cập đến việc một số thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2025 liên quan đến tiền thuê đất tại Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú, một công ty con của Tập đoàn, đã được điều chỉnh lại. Kết luận soát xét của chúng tôi về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn Dệt May Việt Nam tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 không bị ảnh hưởng bởi vấn đề cần nhấn mạnh nêu trên.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 25-02-00221-25-2



Trương Vĩnh Phúc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1901-2023-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 8 năm 2025

Đàm Xuân Lâm

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0861-2023-007-1

Đ.Đ.Đ.
TR
VAM

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2025****Mẫu B 01a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC**ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND Đã điều chỉnh lại
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		10.495.524.946.967	9.551.568.540.428
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	9	1.102.013.236.643	1.004.605.536.998
Tiền	111		277.909.445.726	334.076.336.998
Các khoản tương đương tiền	112		824.103.790.917	670.529.200.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		2.675.800.242.710	2.470.361.179.586
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	10(a)	2.675.800.242.710	2.470.361.179.586
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2.966.480.643.981	2.605.636.273.056
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	11	2.496.516.801.222	2.275.337.763.396
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		270.556.198.499	210.121.976.970
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	12	3.742.860.000	4.542.860.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	13(a)	528.434.926.446	438.691.971.804
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	14	(333.658.885.421)	(323.937.380.285)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		888.743.235	879.081.171
Hàng tồn kho	140	15	3.447.117.533.058	3.217.895.959.803
Hàng tồn kho	141		3.505.107.761.550	3.290.341.262.584
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(57.990.228.492)	(72.445.302.781)
Tài sản ngắn hạn khác	150		304.113.290.575	253.069.590.985
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	21(a)	40.866.128.737	33.510.806.237
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		248.748.764.095	206.720.345.742
Thuế và các khoản khác phải thu				
Nhà nước	153	24(a)	14.498.397.743	11.656.762.056
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	1.181.676.950

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND Đã điều chỉnh lại
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		9.388.065.269.657	9.714.281.621.524
Các khoản phải thu dài hạn	210		48.243.785.638	48.299.560.798
Phải thu về cho vay dài hạn	215	12	1.171.430.000	2.342.860.000
Phải thu dài hạn khác	216	13(b)	153.182.280.434	152.066.625.594
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	14	(106.109.924.796)	(106.109.924.796)
Tài sản cố định	220		5.311.530.679.782	5.553.947.899.230
Tài sản cố định hữu hình	221	16	5.073.621.237.704	5.306.725.844.505
Nguyên giá	222		14.285.432.732.614	14.183.089.852.907
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(9.211.811.494.910)	(8.876.364.008.402)
Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	224	17	147.098.993.158	154.704.015.687
Nguyên giá	225		176.072.027.534	176.072.027.534
Giá trị hao mòn lũy kế	226		(28.973.034.376)	(21.368.011.847)
Tài sản cố định vô hình	227	18	90.810.448.920	92.518.039.038
Nguyên giá	228		149.936.917.773	151.254.837.986
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(59.126.468.853)	(58.736.798.948)
Bất động sản đầu tư	230	19	259.968.248.858	264.931.476.421
Nguyên giá	231		366.591.995.896	366.591.995.896
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(106.623.747.038)	(101.660.519.475)
Tài sản dở dang dài hạn	240		521.740.297.208	400.958.692.169
Xây dựng cơ bản dở dang	242	20	521.740.297.208	400.958.692.169
Đầu tư tài chính dài hạn	250		2.916.356.626.898	3.138.795.610.940
Đầu tư vào các công ty liên kết	252	10(b)	2.775.549.200.073	2.991.643.306.334
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	10(b)	185.595.313.353	183.478.443.353
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	10	(175.548.535.864)	(184.906.788.083)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	10(a)	130.760.649.336	148.580.649.336
Tài sản dài hạn khác	260		330.225.631.273	307.348.381.966
Chi phí trả trước dài hạn	261	21(b)	317.092.582.650	291.486.585.521
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	22	12.551.689.690	15.280.437.512
Tài sản dài hạn khác	268		581.358.933	581.358.933
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		19.883.590.216.624	19.265.850.161.952

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 01a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND Đã điều chỉnh lại
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		10.374.026.860.484	10.061.417.690.412
Nợ ngắn hạn	310		7.348.750.371.202	7.138.803.138.325
Phải trả người bán ngắn hạn	311	23	1.099.092.773.176	1.258.590.848.176
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		100.736.124.453	92.831.620.899
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	24(b)	231.105.483.980	142.428.278.440
Phải trả người lao động	314		671.710.868.734	705.297.556.707
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	25(a)	60.763.520.732	50.784.050.757
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	26	34.790.062.340	22.642.981.106
Phải trả ngắn hạn khác	319	27(a)	433.289.700.833	562.649.754.189
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	28(a)	4.394.381.783.933	4.040.032.122.826
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	29	62.473.188.366	62.473.188.366
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	30	260.406.864.655	201.072.736.859
Nợ dài hạn	330		3.025.276.489.282	2.922.614.552.087
Phải trả người bán dài hạn	331		-	17.600.000
Chi phí phải trả dài hạn	333	25(b)	8.832.136.320	9.296.985.600
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	26	314.106.923.564	298.311.893.472
Phải trả dài hạn khác	337	27(b)	79.479.738.573	76.708.423.953
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	28(b)	2.449.434.189.980	2.372.225.914.139
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	22	173.423.500.845	166.053.734.923



T. T. NH. H.
★
NỘI

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

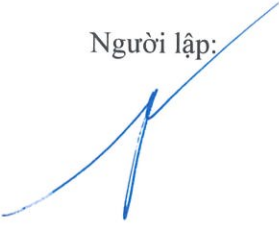
Mẫu B 01a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND Đã điều chỉnh lại
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400	31	9.509.563.356.140	9.204.432.471.540
Vốn chủ sở hữu	410		9.490.560.170.651	9.185.118.248.553
Vốn cổ phần	411	32	5.000.000.000.000	5.000.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		5.000.000.000.000	5.000.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		30.361.932.352	30.361.932.352
Vốn khác của chủ sở hữu	414		216.823.916.584	216.823.916.584
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		(747.830.122.185)	(747.830.122.185)
Quỹ đầu tư phát triển	418	33	879.149.092.573	824.954.603.341
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.137.495.224.273	894.895.054.218
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		784.573.835.237	570.512.117.664
- Lợi nhuận sau thuế kỳ này/năm nay	421b		352.921.389.036	324.382.936.554
Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422	34	543.092.845.095	543.092.845.095
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		2.431.467.281.959	2.422.820.019.148
Nguồn kinh phí và các quỹ khác	430		19.003.185.489	19.314.222.987
Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		19.003.185.489	19.314.222.987
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		19.883.590.216.624	19.265.850.161.952

Ngày 29 tháng 8 năm 2025

Người lập:


Nguyễn Thị Nga
Phó Ban Tài chính Kế toán

Người duyệt:


Nguyễn Ngọc Cách
Trưởng Ban Tài chính Kế toán



Cao Hữu Hiếu
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025****Mẫu B 02a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2025 VND	30/6/2024 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	36	8.706.900.453.382	7.968.493.031.471
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	36	10.349.297.701	14.501.986.532
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	36	8.696.551.155.681	7.953.991.044.939
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	37	7.516.624.972.423	7.139.765.201.739
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		1.179.926.183.258	814.225.843.200
Doanh thu hoạt động tài chính	21	38	188.833.333.349	187.376.560.478
Chi phí tài chính	22	39	251.347.139.806	319.727.061.802
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		163.158.208.280	174.475.079.492
Phần lãi trong công ty liên kết	24	10(b)	258.742.690.524	236.427.650.835
Chi phí bán hàng	25	40	243.958.875.729	230.179.707.703
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	41	477.029.893.265	413.374.248.300
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}	30		655.166.298.331	274.749.036.708
Thu nhập khác	31	42	25.805.713.943	26.513.575.031
Chi phí khác	32	43	13.996.032.781	18.736.512.567
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		11.809.681.162	7.777.062.464
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		666.975.979.493	282.526.099.172
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	45	72.774.765.483	47.747.027.573
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	45	10.098.513.744	58.495.452.154
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (chuyển sang trang sau)	60		584.102.700.266	176.283.619.445

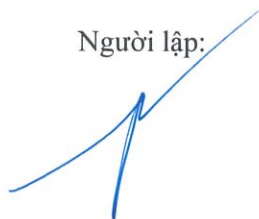
Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 02a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2025 VND	30/6/2024 VND
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (mang sang từ trang trước)	60		584.102.700.266	176.283.619.445
Phân bổ cho:				
Cổ đông của công ty mẹ	61		352.921.389.036	42.438.111.165
Cổ đông không kiểm soát	62		231.181.311.230	133.845.508.280
Lãi trên cổ phiếu		46		
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		696	66
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		628	60

Ngày 29 tháng 8 năm 2025

Người lập:

Nguyễn Thị Nga
Phó Ban Tài chính Kế toánNguyễn Ngọc Cách
Trưởng Ban Tài chính Kế toán

Người duyệt:

Cao Hữu Hiếu
Tổng Giám đốc*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này*

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2025 VND	30/6/2024 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		666.975.979.493	282.526.099.172
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		398.670.022.703	389.753.585.733
Các khoản dự phòng	03		(14.091.821.372)	(37.092.367.768)
Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		53.093.738.989	63.276.766.423
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(343.373.304.994)	(330.319.268.315)
Chi phí lãi vay	06		163.158.208.280	174.475.079.492
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		924.432.823.099	542.619.894.737
Biến động các khoản phải thu	09		(313.316.507.766)	310.470.201.165
Biến động hàng tồn kho	10		(214.766.498.966)	(126.743.815.444)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(101.197.641.188)	(53.577.596.897)
Biến động chi phí trả trước	12		(35.799.798.437)	(2.160.513.585)
			259.352.376.742	670.608.169.976
Tiền lãi vay đã trả	14		(161.346.971.048)	(203.105.871.737)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(47.459.328.169)	(68.661.377.774)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(12.653.018.087)	(49.747.366.421)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		37.893.059.438	349.093.554.044

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025**
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**Mẫu B 03a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2025 VND	30/6/2024 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(275.245.089.169)	(195.174.023.436)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		4.254.515.881	17.779.886.367
Tiền chi cho vay, gửi tiền gửi có kỳ hạn và mua trái phiếu	23		(1.141.629.781.049)	(648.959.354.469)
Tiền thu hồi cho vay, rút tiền gửi có kỳ hạn và bán trái phiếu	24		955.982.147.925	497.321.459.996
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		(2.116.870.000)	(13.591.240.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		-	9.112.514.480
Tiền thu lãi cho vay, lãi tiền gửi và cổ tức	27		332.491.973.443	456.059.182.076
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(126.263.102.969)	122.548.425.014
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ đi vay	33		8.172.425.763.982	5.929.180.832.510
Tiền trả nợ gốc vay	34		(7.835.783.552.574)	(6.137.669.159.856)
Tiền trả cổ tức	36		(154.541.687.805)	(137.394.588.736)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		182.100.523.603	(345.882.916.082)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025**
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**Mẫu B 03a – DN/HN**(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2025 VND	30/6/2024 VND
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		93.730.480.072	125.759.062.976
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60		1.004.605.536.998	668.657.670.914
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		3.677.219.573	2.131.445.432
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	9	1.102.013.236.643	796.548.179.322

Ngày 29 tháng 8 năm 2025

Người lập:

Nguyễn Thị Nga
Phó Ban Tài chính Kế toán

Người duyệt:

Nguyễn Ngọc Cách
Trưởng Ban Tài chính Kế toánCao Hữu Hiếu
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Tập đoàn Dệt May Việt Nam (“Tập đoàn”) được thành lập dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu theo Quyết định số 974/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 25 tháng 6 năm 2010.

Căn cứ vào Quyết định số 646/QĐ-TTg ngày 6 tháng 5 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam, căn cứ vào Công văn số 4085/BTC-TC ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ Công Thương về việc bán cổ phần lần đầu, Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã thực hiện việc bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng theo hình thức kết hợp vừa bán bớt một phần vốn Nhà nước, vừa phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ, tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 22 tháng 9 năm 2014. Theo đó, vốn điều lệ của Tập đoàn Dệt May Việt Nam sau cổ phần hóa là 5.000 tỷ VND, trong đó Nhà nước giữ cổ phần chi phối. Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã được cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp công ty cổ phần lần đầu ngày 29 tháng 1 năm 2015.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 bao gồm Tập đoàn Dệt May Việt Nam và các công ty con của Tập đoàn Dệt May Việt Nam (được gọi chung là “Tập đoàn”) và các lợi ích của Tập đoàn tại các công ty liên kết.

(b) Hoạt động chính

Tập đoàn Dệt May Việt Nam có nhiệm vụ hoạt động kinh doanh, đầu tư vốn và có toàn quyền quản lý vốn đầu tư trong các công ty con của Tập đoàn để đảm bảo duy trì và phát triển nguồn vốn này, cụ thể như sau:

1. Sản xuất và kinh doanh trong các lĩnh vực sau:

- Công nghiệp dệt may: sản xuất, kinh doanh nguyên vật liệu, vật tư, thiết bị, phụ tùng, phụ liệu, hóa chất, thuốc nhuộm và các sản phẩm cuối cùng của ngành dệt may; sản xuất kinh doanh hàng dệt may gồm các chủng loại xơ, sợi, vải, hàng may mặc, dệt kim, chỉ khâu, khăn bông len, thảm, dây tơ, tơ tằm, vải tơ tằm, vải kỹ thuật, vải không dệt, vải trang trí nội thất;
- Gia công, sản xuất, chế biến nông, lâm, thủy hải sản (sơ chế); đóng gói thực phẩm tươi, thực phẩm sơ chế, thực phẩm khô, bánh mứt các loại;
- Sản xuất kinh doanh nguyên liệu bông xơ; nguyên phụ liệu, bao bì cho sản xuất và chế biến bông; dịch vụ kỹ thuật và kinh doanh các loại giống cây trồng, phân bón và vật tư nông nghiệp khác; sản xuất các chế phẩm sinh học phục vụ cho ngành nông lâm nghiệp; chế biến nông sản; kiểm nghiệm giống bông, giống cây trồng, chất lượng bông xơ;

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

- Xuất nhập khẩu và kinh doanh thương mại: hàng dệt may, thiết bị phụ tùng ngành dệt may; phụ liệu, hóa chất, thuốc nhuộm; hàng công nghệ thực phẩm; nông, lâm, hải sản; thủ công mỹ nghệ; ô tô, xe máy; thiết bị âm thanh, ánh sáng; thiết bị tạo mẫu thời trang; phương tiện vận tải; vật liệu điện, điện tử; phần mềm và thiết bị tin học; cao su; nước uống dinh dưỡng và mỹ phẩm các loại; phụ tùng, máy móc, thiết bị phục vụ công nghiệp; dụng cụ quang học, hệ thống kiểm tra đo lường phục vụ công tác thí nghiệm; phế liệu và thành phẩm sắt, thép và kim loại màu; kinh doanh quần áo và trang thiết bị bảo hộ lao động và các mặt hàng tiêu dùng khác;
 - Kinh doanh bán lẻ các sản phẩm dệt may và các sản phẩm tiêu dùng khác, gồm: đầu tư xây dựng siêu thị; cho thuê nhà phục vụ các mục đích kinh doanh (kiốt, trung tâm thương mại); cho thuê kho, bãi đậu xe, dịch vụ giữ xe; mua bán hàng dệt may, vật tư công nghiệp và các sản phẩm tiêu dùng khác; bia, rượu, thuốc lá các loại; bán hàng lưu động đã đăng ký trong giấy phép đăng ký kinh doanh;
 - Dịch vụ thi công, lắp đặt hệ thống điện dân dụng, điện lạnh, công nghiệp; tư vấn, thiết kế quy trình công nghệ, bố trí máy móc thiết bị cho ngành công nghiệp dân dụng; tư vấn thiết kế lập các dự án đầu tư trong lĩnh vực dệt may, môi trường; tư vấn giám sát, kiểm tra, đánh giá hoạt động trong lĩnh vực sản xuất kỹ thuật, thương mại và môi trường; thiết kế, chế tạo thiết bị, linh kiện và lắp đặt hệ thống điện công nghiệp, hệ thống cầu, thang nâng hạ, thang máy sản xuất, kinh doanh sửa chữa, lắp đặt các sản phẩm cơ khí và máy móc thiết bị công nghiệp; thực hiện các dịch vụ thương mại và công việc có tính chất công nghiệp; giám định kiểm tra chất lượng nguyên phụ liệu, hoá chất, thuốc nhuộm và các sản phẩm dệt may; dịch vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, đào tạo nghề dệt may công nghiệp, nghề cơ khí; xuất khẩu lao động Việt Nam; uỷ thác mua bán xăng, dầu; kinh doanh kho vận, kho ngoại quan; thiết kế, thi công xây lắp phục vụ ngành công nghiệp và xây dựng dân dụng; dịch vụ khoa học công nghệ, du lịch, khách sạn, nhà hàng, văn phòng, vận tải, du lịch lữ hành trong nước; tư vấn thiết kế dịch vụ đầu tư và kinh doanh cơ sở hạ tầng, dịch vụ ăn uống bình dân, dịch vụ vui chơi giải trí, thể dục thể thao; đại lý bán vé máy bay và đại lý bưu chính viễn thông;
 - Kinh doanh tài chính; hoạt động tài chính, chứng khoán, dịch vụ tài chính khác;
 - Đầu tư kinh doanh cơ sở hạ tầng, khu công nghiệp và đô thị; kinh doanh bất động sản; kinh doanh phát triển nhà, khu công nghiệp, đô thị; cho thuê nhà xưởng, nhà ở, văn phòng; đầu tư kinh doanh bưu chính viễn thông;
 - Tổ chức hội chợ triển lãm, biểu diễn thời trang trong và ngoài nước; xuất bản, in ấn; và
 - Đầu tư ra nước ngoài; làm đại diện cho các công ty nước ngoài tại Việt Nam.
2. Đầu tư, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu, cổ đông, thành viên góp vốn tại các công ty con, công ty liên kết và các đơn vị nhận đầu tư khác.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn Dệt May Việt Nam và các công ty con nằm trong phạm vi 12 tháng.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(d) Cấu trúc của Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, Tập đoàn Dệt May Việt Nam có 33 công ty con cấp 1, công ty con cấp 2 và công ty con cấp 3 và 29 công ty liên kết (1/1/2025: có 33 công ty con cấp 1, công ty con cấp 2 và công ty con cấp 3 và 29 công ty liên kết).

Chi tiết các công ty con và công ty liên kết của Tập đoàn đã được hạch toán trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 như sau:

Loại công ty	Số lượng đơn vị		Tham chiếu
	30/6/2025	1/1/2025	
• Các công ty con cấp 1 của Tập đoàn mà báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con này đã được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	13	13	Phụ lục 1
• Các công ty con cấp 2 của Tập đoàn mà báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con này đã được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	15	15	Phụ lục 2
• Các công ty con cấp 3 của Tập đoàn mà báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con này đã được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	5	5	Phụ lục 3
	33	33	
• Các công ty liên kết của Tập đoàn được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	29	29	Phụ lục 4

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, Tập đoàn có 24.938 nhân viên (1/1/2025: 25.417 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn Dệt May Việt Nam và các công ty con từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Kỳ kế toán sáu tháng từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 6.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn Dệt May Việt Nam và các công ty con là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán chủ yếu áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

Sau khi đã kiểm soát công ty con, nếu Tập đoàn tiếp tục đầu tư vào công ty con để tăng tỷ lệ lợi ích nắm giữ thì phần chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư thêm và giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty con mua thêm được ghi nhận trực tiếp vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và được coi là giao dịch vốn chủ sở hữu.

(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

(iii) Mất quyền kiểm soát

Khi mất quyền kiểm soát tại một công ty con, Tập đoàn dừng ghi nhận tài sản và nợ phải trả của công ty con cũng như lợi ích cổ đông không kiểm soát và các cấu phần vốn chủ sở hữu khác trong báo cáo tài chính hợp nhất. Lãi hoặc lỗ phát sinh từ sự kiện này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi thoái vốn phần lợi ích còn lại trong công ty con trước đó (nếu có) được ghi nhận theo giá trị ghi sổ còn lại của khoản đầu tư trên báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ, sau khi được điều chỉnh theo tỷ lệ tương ứng cho những thay đổi trong vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua nếu Tập đoàn vẫn còn ảnh hưởng đáng kể trong đơn vị nhận đầu tư, hoặc ghi nhận theo giá gốc của khoản đầu tư còn lại nếu không còn ảnh hưởng đáng kể.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Việc thoái vốn của Tập đoàn trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp này, chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

(iv) Công ty liên kết

Công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, gồm cả chi phí giao dịch. Sau ghi nhận ban đầu, báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong lãi hoặc lỗ của các công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể đối với các đơn vị này. Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu cũng được điều chỉnh cho những thay đổi về lợi ích của nhà đầu tư trong đơn vị nhận đầu tư phát sinh từ những thay đổi vốn chủ sở hữu của đơn vị nhận đầu tư mà không phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (như việc đánh giá lại tài sản cố định, hay chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính, v.v...).

Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Tập đoàn phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

(v) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư và giao dịch trong nội bộ Tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại công ty liên kết.

(vi) Hợp nhất kinh doanh

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát được chuyển giao cho Tập đoàn. Sự kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Việc đánh giá quyền kiểm soát có xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

Giá phí hợp nhất kinh doanh (giá phí mua) gồm tổng của giá trị hợp lý, tại ngày trao đổi, của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận, các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày mua.

Lợi thế thương mại phát sinh thể hiện khoản chênh lệch giữa giá phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua được ghi nhận vào bảng cân đối kế toán hợp nhất, sau đó được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khoản chênh lệch âm (lãi từ giao dịch mua giá rẻ) được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của năm hiện tại sau khi đã tiến hành soát xét lại nhằm đảm bảo việc xác định giá trị của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được, nợ tiềm tàng và việc xác định giá phí hợp nhất kinh doanh đã phản ánh phù hợp việc cân nhắc tất cả thông tin có tại ngày mua.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản/bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn Dệt May Việt Nam hoặc các công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Tập đoàn dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và trái phiếu. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(ii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác của công ty mẹ Tập đoàn phát sinh trong giai đoạn trước cổ phần hóa

Cho mục đích của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, các khoản đầu tư vào các đơn vị khác phát sinh trong giai đoạn trước cổ phần hóa của Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam được ghi nhận theo giá trị được xác định lại tại thời điểm chuyển đổi sang công ty cổ phần theo quy định tại Điểm a, Điểm b, Điểm c, Khoản 1, Điều 33, Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần (“Nghị định 59”) và Khoản 5, Khoản 6, Điều 1, Nghị định số 116/2015/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 59, cụ thể như sau:

- Giá trị các khoản đầu tư tài chính vào công ty cổ phần đã niêm yết, đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán được xác định theo giá đóng cửa của cổ phiếu giao dịch trên thị trường chứng khoán tại thời điểm gần nhất với thời điểm chuyển đổi sang công ty cổ phần.
- Giá trị các khoản đầu tư tài chính vào (i) cổ phiếu của công ty cổ phần đã niêm yết trên thị trường UPCoM mà không có giao dịch trong vòng 30 ngày trước thời điểm định giá; (ii) cổ phiếu của công ty cổ phần chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán và (iii) các doanh nghiệp khác được xác định trên cơ sở:
 - Tỷ lệ vốn đầu tư của Tập đoàn Dệt May Việt Nam trên vốn điều lệ, vốn cổ phần hoặc tổng số vốn thực góp tại đơn vị nhận đầu tư.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

- Giá trị vốn chủ sở hữu tại đơn vị nhận đầu tư được xác định theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán. Trường hợp chưa kiểm toán thì căn cứ vào giá trị vốn chủ sở hữu theo báo cáo tài chính tại thời điểm gần nhất của đơn vị đó để xác định.
- Trường hợp giá trị khoản đầu tư tài chính khi xác định lại có giá trị thấp hơn giá trị ghi trên sổ sách kế toán thì được xác định theo giá trị thực tế xác định lại.

Giá trị đánh giá lại như hướng dẫn ở trên được xem là giá gốc ban đầu của các khoản đầu tư khi Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam chuyển thành công ty cổ phần. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư vào các đơn vị khác được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Trong trường hợp Tập đoàn Dệt May Việt Nam nhận được cổ tức hoặc lợi nhuận được chia tương ứng với phần tăng thêm do định giá lại khoản đầu tư trong quá trình cổ phần hóa, giá trị khoản đầu tư sẽ được giảm tương ứng với phần cổ tức hoặc lợi nhuận được chia này (Thuyết minh 3(p)(viii)).

(iii) Đầu tư vào các đơn vị khác của công ty mẹ Tập đoàn phát sinh trong giai đoạn sau cổ phần hóa

Các khoản đầu tư vào các đơn vị khác phát sinh trong giai đoạn sau cổ phần hóa của Công ty mẹ Tập đoàn Dệt May Việt Nam được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

(iv) Đầu tư vào các đơn vị khác của các công ty con

Các khoản đầu tư vào các đơn vị khác của các công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

(v) Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính

Dự phòng giảm giá đầu tư vào các đơn vị khác được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Tập đoàn Dệt May Việt Nam có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia.

Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Hàng tồn kho được sản xuất và để bán

Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung đã được phân bổ.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam và các công ty con áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Bất động sản xây dựng để bán trong tương lai

Giá gốc được tính theo phương pháp đích danh và bao gồm chi phí đất, chi phí xây dựng cơ sở hạ tầng và các chi phí liên quan trực tiếp khác.

Đất thuê đang phát triển để cho thuê lại trong tương lai

Giá gốc bao gồm tiền thuê đất và các chi phí phát triển liên quan khác như chi phí phát triển cơ sở hạ tầng, thiết bị và chi phí cho các khu vực chung.

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí bảo dưỡng và đại tu, ngoại trừ chi phí sửa chữa lớn được ghi nhận vào chi phí trả trước dài hạn được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) *Khấu hao*

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- nhà cửa, vật kiến trúc 5 – 51 năm
- máy móc và thiết bị 3 – 25 năm
- phương tiện vận chuyển 2 – 15 năm
- thiết bị văn phòng 3 – 30 năm
- tài sản khác 2 – 25 năm

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(h) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá và không khấu hao.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Nguyên giá của phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 10 năm.

(i) Bất động sản đầu tư cho thuê

(i) Nguyên giá

Bất động sản đầu tư cho thuê là quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp được thể hiện theo nguyên giá và không khấu hao do có thời hạn không xác định. Bất động sản đầu tư cho thuê là nhà cửa được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban lãnh đạo công ty con tương ứng. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ hạ tầng khu công nghiệp	4 – 45 năm
▪ nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 50 năm
▪ quyền sử dụng đất	49 năm

(j) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Tập đoàn không trích khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(k) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tập đoàn đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo các quy định pháp luật hiện hành và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của các hợp đồng thuê đất.

(ii) Chi phí thuê văn phòng, nhà xưởng, mặt bằng trả trước

Chi phí thuê văn phòng và nhà xưởng trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê.

(iii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tập đoàn nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(iv) Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định bao gồm các chi phí chủ yếu phát sinh theo chu kỳ trong thời gian sử dụng tài sản. Các chi phí này được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

(v) Chi phí trả trước dài hạn khác

Chi phí trả trước dài hạn khác được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 2 đến 3 năm.

(l) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(m) Dự phòng

Trừ những khoản dự phòng được định nghĩa ở các chính sách kế toán khác, một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

100
CÔ
CH NH
KP
LIÊN

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(n) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá.

(ii) Thặng dư vốn cổ phần

Chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu được ghi nhận vào tài khoản thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(o) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ hợp nhất của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Tập đoàn xác định nghĩa vụ thuế thu nhập căn cứ theo các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng nghĩa vụ về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của các cơ quan thuế có thẩm quyền.

(p) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu, giảm giá hàng bán.

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Doanh thu dịch vụ gia công

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi hàng hoá được gia công xong và được người mua chấp nhận. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố trọng yếu không chắc chắn liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iv) Doanh thu cho thuê lại đất thuê

Doanh thu cho thuê lại đất thuê được ghi nhận trước một lần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho toàn bộ thời hạn thuê nếu thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- Thời hạn thuê lại lớn hơn 90% thời gian hữu dụng của quyền sử dụng đất;
- Bên thuê không có quyền hủy bỏ hợp đồng thuê đất và bên cho thuê không có nghĩa vụ hoàn trả số tiền nhận trước trong bất cứ trường hợp nào và dưới bất kỳ hình thức nào;
- Số tiền thuê đất nhận trước không nhỏ hơn 90% tổng khoản thanh toán tiền thuê ước tính nhận được theo hợp đồng trong thời hạn thuê đất và bên thuê phải trả toàn bộ khoản thanh toán tiền thuê trong vòng 12 tháng kể từ ngày bắt đầu thuê đất;
- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu quyền sử dụng đất được chuyển giao cho bên thuê; và
- Tập đoàn có thể ước tính được một cách đáng tin cậy các chi phí phát sinh liên quan đến hợp đồng thuê đất.

(v) Doanh thu bán bất động sản

Doanh thu bán bất động sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu. Việc chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích được xác định tại thời điểm bán hoặc hoàn thành bàn giao bất động sản, tùy theo thời điểm nào muộn hơn.

(vi) Doanh thu cho thuê tài sản khác

Doanh thu cho thuê tài sản khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

(vii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.



Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(viii) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

Khoản cổ tức hoặc lợi nhuận được chia đã sử dụng để định giá lại giá trị khoản đầu tư khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hoá và tại thời điểm chuyển đổi sang công ty cổ phần không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính mà ghi giảm giá trị khoản đầu tư tài chính (Thuyết minh 3(d)(ii)).

(q) Thuê tài sản

(i) Tài sản thuê

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê tài chính nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Tập đoàn và các công ty con, với tư cách là bên thuê, đã nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu. Tài sản cố định hữu hình dưới hình thức thuê tài chính được thể hiện bằng số tiền tương đương với số thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cố định và giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu, tính tại thời điểm bắt đầu thuê, trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Khấu hao của tài sản thuê tài chính được hạch toán theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian ngắn hơn giữa thời hạn thuê và thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính trừ khi chắc chắn là Tập đoàn sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê. Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính nhất quán với tài sản cố định hữu hình được nêu trong phần chính sách kế toán 3(g)(ii).

Các tài sản thuê theo các hợp đồng thuê khác được phân loại là thuê hoạt động và không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán hợp nhất của Tập đoàn Dệt may Việt Nam.

(ii) Các khoản thanh toán tiền thuê

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê trong suốt thời hạn thuê.

Các khoản thanh toán tiền thuê tài sản thuê tài chính được chia tách thành chi phí tài chính và khoản trả nợ gốc. Chi phí tài chính phải được tính theo từng kỳ kế toán trong suốt thời hạn thuê để đạt tới một tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại.

(r) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(s) Lãi trên cổ phiếu

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Tập đoàn (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi ước tính cho kỳ kế toán báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm.

(t) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác.

(u) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan bao gồm công ty mẹ và các công ty liên kết của Tập đoàn.

(v) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của kỳ trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kỳ hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong kỳ trước.



4. Tính thời vụ của hoạt động kinh doanh

Tập đoàn không có hoạt động kinh doanh nào có tính thời vụ có thể ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025.

5. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Khi lập báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Cơ quan Tổng Giám đốc thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. Trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025, Tập đoàn không có sự thay đổi trọng yếu nào trong các ước tính kế toán so với các ước tính kế toán đã thực hiện kể từ thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm gần nhất.

6. Các khoản mục bất thường

Tập đoàn không có khoản mục bất thường nào có thể ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025.

7. Các thay đổi trong cơ cấu của Tập đoàn

Tập đoàn không có thay đổi trọng yếu nào trong cơ cấu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025.

8. Báo cáo bộ phận

(a) Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh

Tập đoàn có các bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh chính như sau:

- Công nghiệp dệt may: sản xuất, kinh doanh nguyên vật liệu, vật tư, thiết bị, phụ tùng, phụ liệu, hóa chất, thuốc nhuộm và các sản phẩm cuối cùng của ngành dệt may; sản xuất kinh doanh hàng dệt may gồm các chủng loại xơ, sợi, vải, hàng may mặc, dệt kim, chỉ khâu, khăn bông len, thảm, dây tơ, tơ tằm, vải tơ tằm, vải kỹ thuật, vải không dệt, vải trang trí nội thất;
- Xuất khẩu, nhập khẩu và kinh doanh thương mại: hàng dệt may, thiết bị phụ tùng ngành dệt may; phụ liệu, hóa chất, thuốc nhuộm; hàng công nghệ thực phẩm; nông, lâm, hải sản; thủ công mỹ nghệ; ô tô, xe máy; thiết bị âm thanh, ánh sáng; thiết bị tạo mẫu thời trang; phương tiện vận tải, vật liệu điện, điện tử; phần mềm và thiết bị tin học; cao su; nước uống dinh dưỡng và mỹ phẩm các loại; phụ tùng, máy móc, thiết bị phục vụ công nghiệp; dụng cụ quang học, hệ thống kiểm tra đo lường phục vụ công tác thí nghiệm; phế liệu và thành phẩm sắt, thép và kim loại màu; kinh doanh quần áo và trang thiết bị bảo hộ lao động và các mặt hàng tiêu dùng khác; và
- Các hoạt động khác: chủ yếu bao gồm bán và cho thuê bất động sản.

Kết quả kinh doanh, tài sản và nợ phải trả của bộ phận bao gồm các khoản mục được tính trực tiếp cho từng bộ phận và các khoản mục chung được phân bổ cho mỗi bộ phận trên cơ sở hợp lý. Doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của các bộ phận bao gồm các giao dịch giữa các bộ phận. Giá chuyển giao giữa các bộ phận được xác định trên cơ sở khách quan tương tự như giao dịch với các bên thứ ba. Các giao dịch này được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

0112
ÔNG
NHIỆM
PM
IEM -

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025					
	Công nghiệp dệt may VND	Xuất khẩu, nhập khẩu và kinh doanh thương mại VND	Các hoạt động khác VND	Loại trừ VND	Hợp nhất VND
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	8.565.690.078.485	30.231.808.466	100.629.268.730	-	8.696.551.155.681
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	1.027.200.473.781	6.012.988.787	3.091.313.718	(1.036.304.776.286)	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ của bộ phận	9.592.890.552.266	36.244.797.253	103.720.582.448	(1.036.304.776.286)	8.696.551.155.681
Phần lãi trong công ty liên kết	243.720.850.917	4.837.849.345	10.183.990.262	-	258.742.690.524
Kết quả kinh doanh của bộ phận	662.912.165.755	(53.028.200.518)	12.097.523.394	33.184.809.700	655.166.298.331
Thu nhập khác	25.204.343.725	582.774.558	18.595.660	-	25.805.713.943
Chi phí khác	(12.483.876.869)	(869.159.667)	(4.563.721.229)	3.920.724.984	(13.996.032.781)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	(69.033.714.399)	(1.318.792.272)	(2.422.258.812)	-	(72.774.765.483)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(2.496.245.430)	-	-	(7.602.268.314)	(10.098.513.744)
Lợi nhuận thuần sau thuế TNĐN	604.102.672.782	(54.633.377.899)	5.130.139.013	29.503.266.370	584.102.700.266

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Công nghiệp dệt may VND	Xuất khẩu, nhập khẩu và kinh doanh thương mại VND	Các hoạt động khác VND	Loại trừ VND	Hợp nhất VND
Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	7.667.583.245.220	48.940.724.974	237.467.074.745	-	7.953.991.044.939
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	760.776.265.721	9.361.759.888	2.327.909.145	(772.465.934.754)	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ của bộ phận	8.428.359.510.941	58.302.484.862	239.794.983.890	(772.465.934.754)	7.953.991.044.939
Phần lãi trong công ty liên kết	266.438.539.282	2.360.794.322	(32.371.682.769)	-	236.427.650.835
Kết quả kinh doanh của bộ phận	123.726.784.588	1.760.322.812	23.429.011.840	125.832.917.468	274.749.036.708
Thu nhập khác	42.350.424.907	1.244.437.215	67.995.555	(17.149.282.646)	26.513.575.031
Chi phí khác	(31.228.352.549)	(143.221.184)	(5.039.603.201)	17.674.664.367	(18.736.512.567)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	(42.414.621.817)	(654.041.875)	(4.678.363.881)	-	(47.747.027.573)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(1.650.507.205)	-	-	(56.844.944.949)	(58.495.452.154)
Lợi nhuận thuần sau thuế TNĐN	90.783.727.924	2.207.496.968	13.779.040.313	69.513.354.240	176.283.619.445

	Công nghiệp dệt may VND	Xuất khẩu, nhập khẩu và kinh doanh thương mại VND	Các hoạt động khác VND	Loại trừ VND	Hợp nhất VND
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025					
Tài sản của bộ phận	20.849.619.343.139	530.952.931.593	582.410.666.782	(4.854.941.924.963)	17.108.041.016.551
Khoản đầu tư vào công ty liên kết	1.476.437.584.456	912.560.000	-	1.298.199.055.617	2.775.549.200.073
Tổng tài sản của bộ phận	22.326.056.927.595	531.865.491.593	582.410.666.782	(3.556.742.869.346)	19.883.590.216.624
Tổng nợ phải trả của bộ phận	11.525.432.005.181	415.651.807.374	374.197.234.891	(1.941.254.186.962)	10.374.026.860.484
Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025					
Chi tiêu vốn	269.820.353.379	4.893.069.023	2.052.666.767	(1.521.000.000)	275.245.089.169
Khấu hao tài sản cố định hữu hình	351.873.991.142	12.534.984.447	12.556.101.690	2.868.431.213	379.833.508.492
Khấu hao tài sản cố định hữu hình thuế tài chính	7.605.022.529	-	-	-	7.605.022.529
Khấu hao tài sản cố định vô hình	1.915.587.890	325.785.787	-	-	2.241.373.677
Khấu hao bất động sản đầu tư	217.039.172	1.800.731.917	2.945.456.474	-	4.963.227.563

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Công nghiệp dệt may VND Đã điều chỉnh lại	Xuất khẩu, nhập khẩu và kinh doanh thương mại VND	Các hoạt động khác VND	Loại trừ VND	Hợp nhất VND Đã điều chỉnh lại
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2025					
Tài sản của bộ phận	20.455.303.814.203	117.551.027.308	793.252.469.259	(5.091.900.455.152)	16.274.206.855.618
Khoản đầu tư vào công ty liên kết	1.469.129.709.456	912.560.000	307.875.000	1.521.293.161.878	2.991.643.306.334
Tổng tài sản của bộ phận	21.924.433.523.659	118.463.587.308	793.560.344.259	(3.570.607.293.274)	19.265.850.161.952
Tổng nợ phải trả của bộ phận	11.548.485.791.051	290.990.305.988	419.945.815.821	(2.198.004.222.448)	10.061.417.690.412
Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024					
Chi tiêu vốn	177.517.676.412	1.169.445.455	45.955.430.124	(29.468.528.555)	195.174.023.436
Khấu hao tài sản cố định hữu hình	352.638.791.846	529.155.431	18.201.708.678	2.774.116.124	374.143.772.079
Khấu hao tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	6.126.376.749	-	-	-	6.126.376.749
Khấu hao tài sản cố định vô hình	2.056.032.667	-	37.857.144	-	2.093.889.811
Khấu hao bất động sản đầu tư	1.174.282.049	107.610.000	3.951.553.144	-	5.233.445.193

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(b) Bộ phận chia theo vùng địa lý**

Bộ phận chia theo vùng địa lý được căn cứ vào khu vực phát sinh doanh thu. Theo đó, Cơ quan Tổng Giám đốc xác định bộ phận chia theo vùng địa lý cần được báo cáo bao gồm nội địa và xuất khẩu.

**Kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025**

	Nội địa VND	Xuất khẩu VND	Hợp nhất VND
Tổng doanh thu của bộ phận	2.387.193.164.325	6.309.357.991.356	8.696.551.155.681
Kết quả kinh doanh của bộ phận	441.765.489.184	738.160.694.074	1.179.926.183.258
Thu nhập không phân bổ			447.576.023.873
Chi phí không phân bổ			(972.335.908.800)
Kết quả từ hoạt động kinh doanh			655.166.298.331
Thu nhập khác			25.805.713.943
Chi phí khác			(13.996.032.781)
Thuế thu nhập doanh nghiệp			(82.873.279.227)
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN			584.102.700.266

**Kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024**

	Nội địa VND	Xuất khẩu VND	Hợp nhất VND
Tổng doanh thu của bộ phận	2.304.474.494.219	5.649.516.550.720	7.953.991.044.939
Kết quả kinh doanh của bộ phận	253.098.529.505	561.127.313.695	814.225.843.200
Thu nhập không phân bổ			423.804.211.313
Chi phí không phân bổ			(963.281.017.805)
Kết quả từ hoạt động kinh doanh			274.749.036.708
Thu nhập khác			26.513.575.031
Chi phí khác			(18.736.512.567)
Thuế thu nhập doanh nghiệp			(106.242.479.727)
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN			176.283.619.445

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Nội địa VND	Xuất khẩu VND	Hợp nhất VND
Tại ngày 30/6/2025			
Tài sản của bộ phận	797.613.763.388	1.365.244.152.413	2.162.857.915.801
Tài sản không phân bổ			17.720.732.300.823
			<hr/>
Tổng tài sản			19.883.590.216.624
			<hr/>
Nợ phải trả của bộ phận	57.338.157.148	43.397.967.305	100.736.124.453
Các khoản nợ không phân bổ			10.273.290.736.031
			<hr/>
Tổng nợ phải trả			10.374.026.860.484
			<hr/>
	Nội địa VND	Xuất khẩu VND	Hợp nhất VND
Tại ngày 1/1/2025			Đã điều chỉnh lại
Tài sản của bộ phận	766.899.014.162	1.184.501.368.949	1.951.400.383.111
Tài sản không phân bổ			17.314.449.778.841
			<hr/>
Tổng tài sản			19.265.850.161.952
			<hr/>
Nợ phải trả của bộ phận	65.660.381.004	27.171.239.895	92.831.620.899
Các khoản nợ không phân bổ			9.968.586.069.513
			<hr/>
Tổng nợ phải trả			10.061.417.690.412
			<hr/>

142
TY
ĐU H
PH

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

9. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
Tiền mặt	24.279.802.933	19.086.861.468
Tiền gửi ngân hàng	253.629.642.793	314.989.475.530
Các khoản tương đương tiền	824.103.790.917	670.529.200.000
	<hr/>	<hr/>
	1.102.013.236.643	1.004.605.536.998
	<hr/>	<hr/>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, khoản tiền gửi ngân hàng có tổng giá trị ghi sổ là 13.000 triệu VND (1/1/2025: 44.921 triệu VND) được Tập đoàn dùng để cầm cố đảm bảo cho khoản vay dài hạn của Tập đoàn (Thuyết minh 28).

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

10. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Giá gốc VND	30/6/2025 Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn			
▪ Tiền gửi có kỳ hạn (i)	2.675.800.242.710	-	2.675.800.242.710
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn			
▪ Trái phiếu doanh nghiệp (ii)	129.260.649.336	(122.270.649.336)	(*)
▪ Trái phiếu ngân hàng (iii)	1.500.000.000	-	(*)
	130.760.649.336	(122.270.649.336)	

	Giá gốc VND	1/1/2025 Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn			
▪ Tiền gửi có kỳ hạn (i)	2.470.361.179.586	-	2.470.361.179.586
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn			
▪ Trái phiếu doanh nghiệp (ii)	147.080.649.336	(133.479.665.658)	(*)
▪ Trái phiếu ngân hàng (iii)	1.500.000.000	-	(*)
	148.580.649.336	(133.479.665.658)	

- (i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 3 tháng và kỳ hạn còn lại dưới 12 tháng và hưởng lãi suất năm trong khoảng từ 2,90% đến 6,00%/năm (1/1/2025: từ 2% đến 7%/năm).

Giá trị hợp lý của khoản tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn bao gồm giá trị gốc của khoản tiền gửi ban đầu và lãi dự thu đến ngày 30 tháng 6 năm 2025/ngày 1 tháng 1 năm 2025 hiện đang ghi nhận là khoản phải thu khác. Cơ quan Tổng Giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt Nam và Ban lãnh đạo các công ty con đánh giá rằng khoản tiền gửi này được gửi ở các ngân hàng có uy tín tại Việt Nam nên không bị suy giảm giá trị tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và ngày 1 tháng 1 năm 2025.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

- (ii) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và ngày 1 tháng 1 năm 2025, một số tổ chức phát hành đã có dấu hiệu vi phạm các điều kiện và điều khoản của trái phiếu. Cơ quan Tổng Giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã thực hiện trích lập dự phòng đầu tư tài chính cho các khoản trái phiếu này dựa trên đánh giá của Cơ quan Tổng Giám đốc về khả năng thu hồi các khoản trái phiếu.
- (iii) Các khoản trái phiếu do ngân hàng phát hành bằng VND, có kỳ hạn 10 năm, đáo hạn vào năm 2029 và hưởng lãi suất năm là 4,7%/năm (1/1/2025: 4,7%/năm).
- (*) Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, một số khoản tiền gửi có kỳ hạn có tổng giá trị ghi sổ là 175.100 triệu VND (1/1/2025: 180.177 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 28).

14.07
RÁCH
K
ƯU

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Đầu tư tài chính dài hạn

	30/6/2025				1/1/2025			
	Tỷ lệ sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết %	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ VND	Giá trị hợp lý VND	Tỷ lệ sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết %	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty liên kết								
▪ Tổng Công ty May 10 - CTCP	32,21%	32,21%	150.921.529.445	(*)	32,21%	32,21%	130.632.822.560	(*)
▪ Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến	30,40%	30,40%	527.774.164.914	(*)	30,40%	30,40%	496.161.387.345	(*)
▪ Tổng Công ty Việt Thắng - CTCP	46,93%	46,93%	137.301.229.231	(*)	46,93%	46,93%	93.478.002.856	(*)
▪ Tổng Công ty May Nhà Bè - CTCP	25,20%	25,20%	109.241.685.889	(*)	25,20%	25,20%	113.690.135.742	(*)
▪ Tổng Công ty May Đức Giang - CTCP	35,22%	35,22%	88.124.490.468	(*)	35,22%	35,22%	55.019.591.363	(*)
▪ Tổng Công ty May Hưng Yên - CTCP	35,01%	35,01%	117.781.178.610	(*)	35,01%	35,01%	126.816.361.582	(*)
▪ Công ty Cổ phần Dệt May Viễn thông Sài Gòn Vina	30,00%	30,00%	81.922.120.527	(*)	30,00%	30,00%	84.795.901.963	(*)
▪ Công ty TNHH Coats Phong Phú	17,86%	35,65%	798.810.227.209	(*)	17,86%	35,65%	1.219.556.571.207	(*)
▪ Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Phong Phú - Daewoon - Thủ Đức	23,87%	47,64%	139.293.376.514	(*)	23,87%	47,64%	111.381.374.919	(*)
▪ Các khoản đầu tư tại công ty liên kết khác			624.379.197.266	(*)			560.111.156.797	(*)
			<hr/> 2.775.549.200.073				<hr/> 2.991.643.306.334	

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

		30/6/2025				1/1/2025				
	Tỷ lệ sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết %	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Tỷ lệ sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết %	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đơn vị khác										
<i>Các khoản đầu tư vào cổ phiếu trên thị trường</i>										
▪ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (**)	0,002%	0,002%	1.348.555.000	-	1.348.555.000	0,002%	0,002%	1.348.555.000	-	1.348.555.000
<i>Các khoản đầu tư vào công cụ vốn chủ sở hữu khác</i>										
▪ Công ty Cổ phần TCE VINA DENIM	2,10%	2,10%	19.450.204.510	-	(*)	2,10%	2,10%	19.450.204.510	-	(*)
▪ Các khoản đầu tư khác			164.796.553.843	(53.277.886.528)	(*)			162.679.683.843	(51.427.122.425)	(*)
			185.595.313.353	(53.277.886.528)					183.478.443.353	(51.427.122.425)

(*) Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(**) Giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào cổ phiếu trên thị trường được xác định bằng cách tham chiếu giá đóng cửa được niêm yết trên các sở giao dịch chứng khoán tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Giá trị hợp lý của công cụ này được xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin.

242.
TY
'UU H
P H

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Biến động các khoản đầu tư tại các công ty liên kết trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	2.991.643.306.334	2.904.444.477.366
Tăng do đầu tư vào công ty liên kết	-	11.591.240.000
Phân lãi trong các công ty liên kết	258.742.690.524	236.427.650.835
Cổ tức nhận được	(310.903.825.000)	(310.570.946.562)
Biến động khác	(163.932.971.785)	-
Số dư cuối kỳ	2.775.549.200.073	2.841.892.421.639

11. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/6/2025	1/1/2025
	VND	VND
Phải thu của khách hàng là các công ty liên quan	387.836.754.316	342.740.710.687
Phải thu các khách hàng khác	2.108.680.046.906	1.932.597.052.709
	2.496.516.801.222	2.275.337.763.396

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, các khoản phải thu khách hàng có giá trị sổ 398.770 triệu VND (1/1/2025: 144.588 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 28).

Chi tiết các khoản phải thu của khách hàng là các công ty liên quan như sau:

	30/6/2025	1/1/2025
	VND	VND
Công ty TNHH Coats Phong Phú	300.204.660.506	262.239.956.872
Công ty Cổ phần Dệt – Dệt May Nam Định	74.540.781.408	67.176.229.100
Công ty Cổ phần Xúc tiến Thương mại và Đầu tư Phong Phú	12.430.807.340	12.930.807.340
Các công ty liên quan khác	660.505.062	393.717.375
	387.836.754.316	342.740.710.687

Khoản phải thu của khách hàng là các bên liên quan không có tài sản đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả là từ 30 ngày đến 180 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***12. Phải thu về cho vay**

	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
<i>Bên liên quan</i>		
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ Phú Ninh	3.514.290.000	4.685.720.000
<i>Bên khác</i>		
Các công ty khác	1.400.000.000	2.200.000.000
	<hr/>	<hr/>
	4.914.290.000	6.885.720.000
Phần phải thu trong vòng 12 tháng	(3.742.860.000)	(4.542.860.000)
	<hr/>	<hr/>
	1.171.430.000	2.342.860.000
	<hr/>	<hr/>

Các khoản phải thu về cho vay ngắn hạn và dài hạn từ bên liên quan không có tài sản đảm bảo và hưởng lãi suất 7,1%/năm (1/1/2025: 6,7%/năm).

Các khoản phải thu về cho vay ngắn hạn từ các bên khác không có tài sản đảm bảo và hưởng lãi suất 8%/năm (1/1/2025: 8%/năm).

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

13. Phải thu khác

(a) Phải thu ngắn hạn khác

	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
Phải thu một đối tác liên quan đến hợp đồng hợp tác kinh doanh (i)	182.792.290.925	187.766.564.464
Phải thu cổ tức và lợi nhuận được chia	90.651.490.333	22.781.981.000
Góp vốn vào hợp đồng hợp tác kinh doanh (ii)	43.532.895.759	43.532.895.759
Phải thu lãi cho vay	7.642.564.989	8.844.909.120
Ký cược, ký quỹ	110.058.601.734	85.215.212.191
Phải thu các khoản tạm ứng	32.438.728.384	28.985.739.982
Phải thu lãi tiền gửi ngân hàng	16.405.736.430	18.583.601.738
Phải thu từ tiền phạt hợp đồng	14.850.628.544	15.669.498.402
Các khoản chi hộ	395.312.500	1.033.712.500
Phải thu người lao động	5.520.136.237	3.811.236.541
Tiền thuế giá trị gia tăng được hoàn	-	3.896.260.020
Phải thu khác	24.146.540.611	18.570.360.087
	528.434.926.446	438.691.971.804

- (i) Đây là khoản một công ty con của Tập đoàn là Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú đã thanh toán cho một đối tác để nhận chuyển nhượng Dự án phát triển khu nhà ở tại Phường Phước Long B, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh (“Dự án Phước Long B”). Tuy nhiên, vào ngày 22 tháng 6 năm 2019, Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã ra quyết định hủy bỏ quyết định cho phép chuyển nhượng dự án do có sai phạm trong việc chuyển nhượng. Trong năm 2018 và 2019, Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú đã bàn giao một phần diện tích đất cho khách hàng và ghi nhận doanh thu, giá vốn tương ứng với giá trị là 115.401 triệu VND và 111.481 triệu VND. Số tiền thanh toán tương ứng với phần diện tích đất còn lại được ghi nhận là chi phí sản xuất kinh doanh dở dang với giá trị là 76.285 triệu VND.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023, Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú đã tiến hành các thủ tục để bàn giao lại dự án này cho đối tác. Do vậy, trong báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023, khoản thanh toán ban đầu cho đối tác tương ứng với phần diện tích đất đã bàn giao là 111.481 triệu VND đã được điều chỉnh lại và ghi nhận là khoản phải thu ngắn hạn khác từ đối tác; toàn bộ khoản tiền Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú nhận được từ người mua được điều chỉnh lại và ghi nhận là khoản phải trả cho đối tác với giá trị là 115.401 triệu VND (Thuyết minh 27(a)); chi phí sản xuất kinh doanh dở dang liên quan với giá trị 76.285 triệu VND cũng được phân loại lại sang khoản phải thu ngắn hạn khác.

Trong kỳ, Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú đã xác định lại công nợ phải thu và phải trả đối với đối tác và ghi giảm 4.974 triệu VND khoản phải thu khác với đối tác.

- (ii) Đây là các khoản góp vốn của Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú vào hợp đồng hợp tác kinh doanh Dự án Khu Công nghiệp Lê Minh Xuân.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các khoản phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan như sau:

	30/6/2025	1/1/2025
	VND	VND
Công ty TNHH Coats Phong Phú	62.990.958.333	-
Tổng Công ty May Nhà Bè – CTCP	10.080.000.000	-
Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP	5.913.000.000	3.942.000.000
Công ty Cổ phần May Hưng Yên	-	3.415.281.000
Tổng Công ty May 10 – CTCP	5.113.699.000	10.227.398.000
Các công ty liên quan khác	-	17.484.978
	84.097.657.333	17.602.163.978

Khoản phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan không có tài sản đảm bảo, không chịu lãi và có điều khoản thanh toán theo yêu cầu.

(b) Phải thu dài hạn khác

	30/6/2025	1/1/2025
	VND	VND
Phải thu tiền bồi thường đất từ Công ty Cổ phần Dệt May Liên Phương	102.909.924.796	102.909.924.796
Ký quỹ, ký cược dài hạn	20.900.872.268	15.351.020.741
Phải thu dài hạn khác	29.371.483.370	33.805.680.057
	153.182.280.434	152.066.625.594

14. Nợ xấu và nợ khó đòi

	30/6/2025				1/1/2025			
	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Nợ quá hạn								
Công ty Cổ phần								
Dệt May Liên Phương	Trên 3 năm	102.909.924.796	(102.909.924.796)	-	Trên 3 năm	102.909.924.796	(102.909.924.796)	-
Tổng Công ty Nông nghiệp Sài Gòn	Trên 3 năm	43.532.895.759	(24.032.895.759)	19.500.000.000	Trên 3 năm	43.532.895.759	(16.291.758.178)	27.241.137.581
Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát	Trên 3 năm	40.173.792.764	(40.173.792.764)	-	Trên 3 năm	40.173.792.764	(40.173.792.764)	-
Công ty TNHH Dệt May Hoàng Anh	Trên 3 năm	33.513.572.750	(33.513.572.750)	-	Trên 3 năm	33.513.572.750	(33.513.572.750)	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Xuất nhập khẩu Hà Đông	Trên 3 năm	27.948.566.760	(27.948.566.760)	-	Trên 3 năm	27.948.566.760	(27.948.566.760)	-
Các khách hàng khác	Trên 3 năm	198.619.276.931	(198.619.276.931)	-	Trên 3 năm	198.498.942.967	(198.498.942.967)	-
Các khách hàng khác	Từ 2 - 3 năm	14.277.008.930	(9.896.969.797)	4.380.039.133	Từ 2 - 3 năm	12.655.029.475	(8.815.394.792)	3.839.634.683
Các khách hàng khác	Từ 1 - 2 năm	4.360.055.899	(2.180.027.949)	2.180.027.950	Từ 1 - 2 năm	2.481.196.590	(1.240.598.295)	1.240.598.295
	Từ 6 tháng đến 1 năm	1.188.608.233	(493.782.711)	694.825.522	Từ 6 tháng đến 1 năm	2.148.263.912	(654.753.779)	1.493.510.133
Các khách hàng khác								
		466.523.702.822	(439.768.810.217)	26.754.892.605		463.862.185.773	(430.047.305.081)	33.814.880.692
Trong đó:								
Dự phòng phải thu khó đòi – ngắn hạn			(333.658.885.421)				(323.937.380.285)	
Dự phòng phải thu khó đòi – dài hạn			(106.109.924.796)				(106.109.924.796)	

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***15. Hàng tồn kho**

	30/6/2025	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	423.355.579.322	(453.533.002)
Nguyên vật liệu	1.433.352.450.761	(9.871.034.446)
Công cụ và dụng cụ	8.786.420.406	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	856.942.213.936	(128.742.014)
Thành phẩm	670.661.746.684	(46.159.176.853)
Hàng hóa	41.305.554.324	(1.189.629.132)
Hàng gửi đi bán	70.703.796.117	(188.113.045)
	3.505.107.761.550	(57.990.228.492)

	1/1/2025	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	605.485.421.257	(5.154.318.288)
Nguyên vật liệu	1.125.474.148.589	(17.648.985.174)
Công cụ và dụng cụ	7.697.455.143	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	777.182.403.236	(2.210.405.049)
Thành phẩm	575.644.383.411	(45.211.921.761)
Hàng hóa	45.064.072.699	(1.918.802.591)
Hàng gửi đi bán	153.793.378.249	(300.869.918)
	3.290.341.262.584	(72.445.302.781)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, hàng tồn kho có giá trị ghi sổ là 1.651.168 triệu VND (1/1/2025: 1.380.456 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 28).

Trong hàng tồn kho tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 có 542.621 triệu VND hàng mua đang đi đường, nguyên vật liệu, bán thành phẩm, thành phẩm, hàng hóa và hàng gửi đi bán (1/1/2025: 625.522 triệu VND) được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

16. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu kỳ	3.989.801.269.971	9.444.409.284.667	440.839.297.616	121.702.967.085	186.337.033.568	14.183.089.852.907
Tăng trong kỳ	6.600.603.488	26.712.754.835	2.217.482.656	1.158.974.269	2.920.490.166	39.610.305.414
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	14.275.343.675	91.248.215.613	3.192.861.383	3.489.119.034	406.240.000	112.611.779.705
Thanh lý, nhượng bán	-	(47.207.284.671)	(2.151.892.255)	(520.028.486)	-	(49.879.205.412)
Số dư cuối kỳ	4.010.677.217.134	9.515.162.970.444	444.097.749.400	125.831.031.902	189.663.763.734	14.285.432.732.614
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	1.875.922.426.610	6.455.936.530.501	291.096.738.139	95.721.764.228	157.686.548.924	8.876.364.008.402
Khấu hao trong kỳ	82.380.685.541	270.224.248.985	17.675.314.761	3.496.883.412	6.056.375.793	379.833.508.492
Thanh lý, nhượng bán	-	(43.127.390.742)	(1.116.475.889)	(142.155.353)	-	(44.386.021.984)
Số dư cuối kỳ	1.958.303.112.151	6.683.033.388.744	307.655.577.011	99.076.492.287	163.742.924.717	9.211.811.494.910
Giá trị còn lại						
Số dư đầu kỳ	2.113.878.843.361	2.988.472.754.166	149.742.559.477	25.981.202.857	28.650.484.644	5.306.725.844.505
Số dư cuối kỳ	2.052.374.104.983	2.832.129.581.700	136.442.172.389	26.754.539.615	25.920.839.017	5.073.621.237.704

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 có các tài sản có nguyên giá 3.132.505 triệu VND (1/1/2025: 3.018.260 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 3.511.615 triệu VND (1/1/2025: 3.024.734 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 28).

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***17. Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính**

	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	173.001.053.291	3.070.974.243	176.072.027.534
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	20.889.158.511	478.853.336	21.368.011.847
Khấu hao trong kỳ	7.402.253.309	202.769.220	7.605.022.529
Số dư cuối kỳ	28.291.411.820	681.622.556	28.973.034.376
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	152.111.894.780	2.592.120.907	154.704.015.687
Số dư cuối kỳ	144.709.641.471	2.389.351.687	147.098.993.158

Đ. N. O.
C
TRÁCH
K
LIÊN

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

18. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tài sản khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu kỳ	121.125.604.239	28.370.498.033	1.758.735.714	151.254.837.986
Tăng trong kỳ	-	330.000.000	-	330.000.000
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	203.783.559	-	203.783.559
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.851.703.772)	-	(1.851.703.772)
Số dư cuối kỳ	121.125.604.239	27.052.577.820	1.758.735.714	149.936.917.773
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu kỳ	34.431.633.616	22.748.706.507	1.556.458.825	58.736.798.948
Khấu hao trong kỳ	1.145.151.175	1.019.193.794	77.028.708	2.241.373.677
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.851.703.772)	-	(1.851.703.772)
Số dư cuối kỳ	35.576.784.791	21.916.196.529	1.633.487.533	59.126.468.853
Giá trị còn lại				
Số dư đầu kỳ	86.693.970.623	5.621.791.526	202.276.889	92.518.039.038
Số dư cuối kỳ	85.548.819.448	5.136.381.291	125.248.181	90.810.448.920

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 có các tài sản có nguyên giá 18.699 triệu VND (1/1/2025: 18.550 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

011
ÔNG
HIỆM H
MG
- T. P

19. Bất động sản đầu tư cho thuê

Nguyên giá	Hạ tầng khu công nghiệp VND	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Quyền sử dụng đất VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	211.082.890.880	149.646.642.354	5.862.462.662	366.591.995.896
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu kỳ	42.251.414.627	55.069.521.791	4.339.583.057	101.660.519.475
Khấu hao trong kỳ	2.945.456.474	1.946.599.386	71.171.703	4.963.227.563
Số dư cuối kỳ	45.196.871.101	57.016.121.177	4.410.754.760	106.623.747.038
Giá trị còn lại				
Số dư đầu kỳ	168.831.476.253	94.577.120.563	1.522.879.605	264.931.476.421
Số dư cuối kỳ	165.886.019.779	92.630.521.177	1.451.707.902	259.968.248.858

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Bất động sản đầu tư cho thuê của Tập đoàn bao gồm:

- Bất động sản đầu tư cho thuê của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định – Công ty con cấp 1 của Tập đoàn là văn phòng cho thuê tại Số 26, Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội;
- Bất động sản đầu tư cho thuê của Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương Mại Dệt Nam Định – Công ty con cấp 2 của Tập đoàn là Nhà khách Dệt tại Phố Nguyễn Hiền và Phố Nguyễn Văn Trỗi, Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định;
- Bất động sản đầu tư cho thuê của Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Dệt May Phố Nối – Công ty con cấp 1 của Tập đoàn là hệ thống cơ sở hạ tầng đường bộ, hệ thống cây xanh, mặt bằng, văn phòng điều hành tại Khu công nghiệp Dệt May Phố Nối B, Huyện Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên;
- Bất động sản đầu tư cho thuê của Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Bắc – Vinatex – Công ty con cấp 1 của Tập đoàn là hệ thống cơ sở hạ tầng và nhà máy May Tuyên Quang tại Xã Phúc Ứng, Huyện Sơn Dương, Tỉnh Tuyên Quang; và
- Bất động sản đầu tư cho thuê của Công ty TNHH MTV Dệt kim Đông Phương – Công ty con cấp 1 của Tập đoàn là quyền sử dụng đất và một phần các công trình gắn với hạ tầng khu công nghiệp bao gồm nhà xưởng của Nhà máy Dệt Đông Phương tại Khu công nghiệp Xuyên Á, Đường Số 3, Ấp Tràm Lạc, Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An.

Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư cho thuê do chưa có thị trường hoạt động để xác định giá trị hợp lý một cách đáng tin cậy cho loại bất động sản đầu tư này.

20. Xây dựng cơ bản dở dang

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	400.958.692.169	448.831.940.444
Tăng trong kỳ	235.304.783.755	173.392.787.643
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(112.611.779.705)	(50.446.897.840)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(203.783.559)	-
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(1.499.449.132)	(1.205.979.000)
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	-	(225.967.822)
Xóa sổ	(208.166.320)	-
Số dư cuối kỳ	521.740.297.208	570.345.883.425

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
▪ Tập đoàn Dệt May Việt Nam - Công ty mẹ		
• Dự án Cao ốc Văn phòng – Căn hộ Vinatex Building	287.985.374.383	266.976.773.659
• Nhà máy Sợi Nam Định	18.973.452.363	18.973.452.363
• Dự án Khu liên hợp Sợi-Dệt-Nhuộm-May Quảng Nam	5.813.893.461	5.813.893.461
• Dự án kho nguyên liệu và thành phẩm	-	12.387.453.797
▪ Công ty Cổ phần Dệt May Huế		
• Nhà máy may 3 tầng	27.127.956.401	920.039.714
• Máy móc, thiết bị chưa lắp đặt	2.353.783.214	219.326.582
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định		
• Dự án Khu Công nghiệp Hoà Xá	12.840.234.566	12.840.234.566
• Dự án Nhà máy May Yên Bình	5.013.367.134	5.013.367.134
▪ Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Dệt May Phố Nối		
• Dự án Nhà ở Công nhân	1.903.279.593	1.903.279.593
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ		
• Đầu tư thiết bị cải tạo xưởng Veston	1.019.846.471	16.376.257.618
▪ Các công trình khác	158.709.109.622	59.534.613.682
	521.740.297.208	400.958.692.169

21. Chi phí trả trước**(a) Chi phí trả trước ngắn hạn**

	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
Công cụ, dụng cụ	19.088.775.311	12.299.603.571
Chi phí trả trước về thuê hoạt động	3.593.319.624	3.538.592.336
Trả trước phí bảo hiểm	3.295.295.621	4.780.869.327
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	14.888.738.181	12.891.741.003
	40.866.128.737	33.510.806.237

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí đất trả trước VND	Chi phí thuê văn phòng, nhà xưởng, mặt bằng trả trước VND	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định VND	Chi phí trả trước dài hạn khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu kỳ	163.104.647.646	6.307.500.000	56.712.226.862	31.392.378.851	33.969.832.162	291.486.585.521
Tăng trong kỳ	-	-	34.039.944.594	4.048.352.229	31.111.417.266	69.199.714.089
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	-	1.499.449.132	-	-	1.499.449.132
Phân bổ trong kỳ	(4.337.927.940)	(2.610.000.000)	(25.631.720.960)	(4.904.215.078)	(12.582.965.892)	(50.066.829.870)
Biến động khác	-	-	-	-	4.973.663.778	4.973.663.778
Phân loại lại	-	-	-	211.262.500	(211.262.500)	-
Số dư cuối kỳ	158.766.719.706	3.697.500.000	66.619.899.628	30.747.778.502	57.260.684.814	317.092.582.650



22. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

	Thuế suất	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:			
Tài sản cố định	20%	10.739.090.162	10.971.592.554
Các khoản mục khác	20%	1.812.599.528	4.308.844.958
 TỔNG tài sản thuế thu nhập hoãn lại		 12.551.689.690	 15.280.437.512
 Thuế thu nhập hoãn lại phải trả:			
Các khoản dự phòng	20%	(173.423.500.845)	(166.053.734.923)
 Thuế thu nhập hoãn lại phải trả thuần		 (160.871.811.155)	 (150.773.297.411)

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***23. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ 30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
Phải trả người bán là các công ty liên quan	174.596.417.741	214.022.752.421
Phải trả người bán khác	924.496.355.435	1.044.568.095.755
	1.099.092.773.176	1.258.590.848.176

Chi tiết các khoản phải trả người bán là các công ty liên quan như sau:

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ 30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
Công ty TNHH Coats Phong Phú	151.138.894.880	160.984.769.508
Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP	13.858.797.386	13.798.355.461
Công ty Cổ phần Dệt May Nha Trang	4.685.502.663	1.465.953.176
Công ty Cổ phần Hòa Thọ – Quảng Nam	2.265.263.462	6.264.687
Tổng Công ty May 10 – CTCP	198.533.204	5.185.773.561
Tổng Công ty Cổ phần Đức Giang	-	27.692.517.297
Các công ty liên quan khác	2.449.426.146	4.889.118.731
	174.596.417.741	214.022.752.421

Khoản phải trả các công ty liên quan không có tài sản đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng từ 30 ngày đến 90 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.



24. Thuế và các khoản phải thu và phải nộp Nhà nước

(a) Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	1/1/2025 VND	Số đã nộp trong kỳ VND	Số đã được hoàn/ bù trừ trong kỳ VND	30/6/2025 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	10.236.635.929	-	(1.498.792.846)	8.737.843.083
Thuế xuất nhập khẩu	392.972.872	-	26	392.972.898
Các loại thuế khác	1.012.888.832	(260.135.580)	4.392.683.116	5.145.436.368
Các khoản khác	14.264.423	-	207.880.971	222.145.394
	11.656.762.056	(260.135.580)	3.101.771.267	14.498.397.743

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước

	1/1/2025 VND	Thuế GTGT đầu ra VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã nộp trong kỳ VND	Bù trừ với thuế GTGT đầu vào VND	30/6/2025 VND
Đã điều chỉnh lại						
Thuế giá trị gia tăng	15.433.285.322	312.216.475.779	-	-	(173.332.193.326)	58.875.207.428
Thuế xuất nhập khẩu	-	-	3.022.559.124	(3.022.559.124)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	46.976.195.231	-	72.774.765.483	(48.958.121.015)	-	70.792.839.699
Thuế thu nhập cá nhân	7.218.069.429	-	33.567.037.975	(36.161.329.836)	-	4.623.777.568
Thuế tài nguyên	287.602.668	-	1.377.162.385	(1.417.652.465)	-	247.112.588
Tiền thuế, thuế đất	72.511.288.096	-	183.823.332.342	(159.843.327.778)	-	96.491.292.660
Các loại thuế khác	1.837.694	-	1.581.269.906	(1.507.853.563)	-	75.254.037
	142.428.278.440	312.216.475.779	296.146.127.215	(346.353.204.128)	(173.332.193.326)	231.105.483.980



Tập đoàn Dệt May Việt Nam

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

25. Chi phí phải trả**(a) Chi phí phải trả ngắn hạn**

	30/6/2025	1/1/2025
	VND	VND
Chi phí lãi vay	6.150.477.196	4.283.348.818
Chi phí cải tạo sửa chữa	13.190.829.975	12.668.205.757
Phí hoa hồng	8.394.726.653	5.555.278.456
Chi phí hoạt động	3.314.312.480	3.742.145.872
Chi phí điện, nước	8.962.760.035	8.639.938.806
Chi phí lương, thưởng	618.722.665	676.963.423
Chi phí thuê đất, nhà xưởng	761.339.758	929.698.560
Chi phí gia công thuê ngoài	850.000.000	1.460.000.000
Chi phí phải trả khác	18.520.351.970	12.828.471.065
	60.763.520.732	50.784.050.757

(b) Chi phí phải trả dài hạn

	30/6/2025	1/1/2025
	VND	VND
Tiền thuê đất phải trả (*)	9.296.985.600	9.761.834.880
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(464.849.280)	(464.849.280)
	8.832.136.320	9.296.985.600

- (*) Phản ánh số tiền thuê đất tại địa chỉ Văn phòng Tập đoàn Dệt May Việt Nam tại địa chỉ Số 10 Nguyễn Huệ, Thành phố Hồ Chí Minh tương ứng với phần diện tích được sử dụng bởi Công ty TNHH Xây dựng và Sản xuất Tài Nguyên trong thời hạn của hợp đồng cho thuê đến năm 2046.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***26. Doanh thu chưa thực hiện**

	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
Doanh thu nhận trước từ các hợp đồng cho thuê	348.896.985.904	320.954.874.578
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	34.790.062.340	22.642.981.106
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	314.106.923.564	298.311.893.472

27. Phải trả khác**(a) Phải trả ngắn hạn khác**

	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
Nhận tạm ứng từ một số cá nhân liên quan đến việc bán các khoản phải thu tại một công ty con (*)	196.896.153.787	196.896.153.787
Phải trả một đối tác liên quan đến Dự án Phát triển khu nhà ở tại Phường Phước Long B, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh (Thuyết minh 13(a))	115.401.827.748	115.401.827.748
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	36.279.444.587	43.797.536.287
Nhận góp vốn hợp tác kinh doanh khác	19.500.000.000	19.500.000.000
Phải trả cổ tức	11.848.532.331	123.649.559.636
Phải trả lãi vay khác	8.469.201.957	8.525.093.103
Quỹ từ thiện	2.845.248.287	2.845.248.287
Nhận ký quỹ và ký cược ngắn hạn	1.871.613.973	1.793.413.973
Các khoản phải trả khác	40.177.678.163	50.240.921.368
	433.289.700.833	562.649.754.189

- (*) Trong năm 2023, Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu Dệt May (công ty con cấp 1 của Tập đoàn Dệt May Việt Nam) đã ban hành Nghị quyết số 11/HĐQT-NQ ngày 29 tháng 11 năm 2023 về chủ trương bán một số khoản nợ phải thu của khách hàng để có nguồn tiền trả nợ. Theo đó, công ty con này đã ký biên bản thỏa thuận với một số cá nhân có nhu cầu mua khoản nợ và nhận số tiền tạm ứng là 196.896 triệu VND. Công ty con này đã thanh toán toàn bộ số gốc vay và nghĩa vụ nợ với Tập đoàn Dệt May Việt Nam và các ngân hàng từ nguồn tiền tạm ứng nêu trên và được các ngân hàng thông qua việc miễn toàn bộ số lãi còn phải trả. Tại ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Công ty Cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu Dệt May chưa hoàn thành việc bán nợ cho cá nhân đã tạm ứng nêu trên. Thời hạn hoàn trả khoản tạm ứng, lãi suất hay thời hạn ký kết hợp đồng mua bán nợ không được quy định cụ thể trong biên bản thỏa thuận được ký kết giữa Công ty Cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu Dệt May với các cá nhân.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(b) Phải trả dài hạn khác**

	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
Nhận tiền góp vốn vào hoạt động kinh doanh		
đồng kiểm soát (*)	46.706.198.620	45.037.427.000
Tiền thuê đất	13.752.000.000	13.752.000.000
Nhận ký cược, ký quỹ dài hạn	8.665.296.000	8.665.296.000
Nhận góp vốn đầu tư các dự án dài hạn	5.226.000.000	5.226.000.000
Các khoản phải trả dài hạn khác	5.130.243.953	4.027.700.953
	79.479.738.573	76.708.423.953

- (*) Phản ánh giá trị các bên khác góp vốn vào Dự án xây dựng nhà văn phòng của Công ty TNHH MTV Dệt Kim Đông Xuân, một công ty con cấp 1 của Tập đoàn, tại Số 67 Phố Ngô Thì Nhậm, Thành phố Hà Nội. Tại ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, các bên góp vốn chưa có kế hoạch cụ thể để xây dựng dự án.

CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ CHỮ KÝ CỦA NGƯỜI CHỨC VỤ
A.N.V.

28. Vay và nợ thuê tài chính

(a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	1/1/2025		30/6/2025	
	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện VND	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	3.826.867.220.061	7.974.168.047.797	(7.573.513.236.876)	4.233.275.128.822
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 28(b))	213.164.902.765	72.018.404.931	(123.321.729.658)	161.106.655.111
	4.040.032.122.826	8.046.186.452.728	(7.696.834.966.534)	4.394.381.783.933

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, trong khoản vay ngắn hạn có 2.860.811 triệu VND (1/1/2025: 3.119.600 triệu VND) là các khoản vay từ ngân hàng được đảm bảo bằng tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn, các khoản phải thu, trả trước người bán, hàng tồn kho và tài sản cố định hữu hình với giá trị ghi sổ tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 tổng cộng là 4.350.876 triệu VND (1/1/2025: 2.617.206 triệu VND) (các Thuyết minh 9, 10, 11, 15 và 16). Trong kỳ, các khoản vay này chịu lãi suất năm từ 1,5% đến 5,5% đối với các khoản vay bằng USD và từ 5,6% đến 10% đối với các khoản vay bằng VND (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2024: từ 1,5% đến 5,9% đối với các khoản vay bằng USD và từ 5,3% đến 8,2% đối với các khoản vay bằng VND).

Các khoản vay ngắn hạn còn lại là các khoản vay tín chấp từ ngân hàng và vay cá nhân. Trong kỳ, các khoản vay này chịu lãi suất năm từ 3,2% đến 5,5% đối với các khoản vay bằng USD và từ 2,4% đến 8,6% đối với các khoản vay bằng VND (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2024: từ 1,9% đến 8,0% đối với các khoản vay bằng USD và từ 2,4% đến 10% đối với các khoản vay bằng VND).

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
Vay dài hạn (i)	2.519.765.468.855	2.484.180.982.022
Nợ thuê tài chính dài hạn (ii)	90.775.376.236	101.209.834.882
	<hr/> 2.610.540.845.091	<hr/> 2.585.390.816.904
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 28(a))	(161.106.655.111)	(213.164.902.765)
	<hr/> 2.449.434.189.980	<hr/> 2.372.225.914.139

(i) Vay dài hạn

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, khoản vay dài hạn bao gồm:

- 917.784 triệu VND (1/1/2025: 1.010.717 triệu VND) là khoản vay từ các ngân hàng được đảm bảo bằng tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn, các khoản phải thu, trả trước người bán, hàng tồn kho và tài sản cố định hữu hình có giá trị ghi sổ tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 là 1.086.383 triệu VND (1/1/2025: 1.086.383 triệu VND) (các Thuyết minh 9, 10, 11, 15 và 16). Trong kỳ, các khoản vay này chịu lãi suất năm từ 3,6% đến 10,7% đối với khoản vay bằng USD và từ 6,4% đến 7,1% đối với khoản vay bằng VND (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2024: từ 3,0% đến 10,1% đối với khoản vay bằng USD và từ 3,5% đến 14,3% đối với khoản vay bằng VND).

- khoản vay từ Ngân hàng Phát triển Châu Á với giá trị ghi sổ 1.622.432 triệu VND (1/1/2025: 1.600.454 triệu VND). Khoản vay này có hạn mức là 105 triệu USD và chịu lãi suất năm thả nổi được điều chỉnh 6 tháng một lần. Tập đoàn Dệt May Việt Nam có nghĩa vụ phải thực hiện đầy đủ các điều khoản của Hiệp định vay với Ngân hàng Phát triển Châu Á và Hiệp định vay phụ với Bộ Tài chính.

Khoản vay này được đảm bảo bằng:

- một số tài sản cố định của Tập đoàn Dệt May Việt Nam với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 là 52.166 triệu VND (1/1/2025: 61.963 triệu VND);
- một số tài sản cố định của các công ty con của Tập đoàn bao gồm Công ty TNHH Nhà nước MTV Dệt 8-3, Công ty TNHH MTV Dệt Kim Đông Xuân, Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ, Công ty Cổ phần Dệt May Huế, Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội, Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định và Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 là 971.905 triệu VND (1/1/2025: 898.562 triệu VND);
- các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm với giá trị là 115.000 triệu VND (1/1/2025: 115.000 triệu VND).
- Các khoản vay từ cá nhân và ngân hàng không có tài sản đảm bảo và chịu lãi suất năm từ 5,5% đến 10,7% (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2024: từ 2,6% đến 10,7%).

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(ii) Các khoản nợ thuê tài chính**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê tài chính không thể hủy ngang như sau:

	30/6/2025		
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính VND	Tiền lãi thuê VND	Nợ gốc VND
Trong vòng một năm	16.183.540.059	2.722.060.458	13.461.479.601
Trong vòng hai đến năm năm	78.342.030.770	1.546.277.933	76.795.752.837
Sau năm năm	523.325.236	5.181.438	518.143.798
	95.048.896.065	4.273.519.829	90.775.376.236

	1/1/2025		
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính VND	Tiền lãi thuê VND	Nợ gốc VND
Trong vòng một năm	18.232.663.250	2.024.480.884	16.208.182.366
Trong vòng hai đến năm năm	86.762.014.883	5.728.599.727	81.033.415.156
Sau năm năm	4.005.935.615	37.698.255	3.968.237.360
	109.000.613.748	7.790.778.866	101.209.834.882

29. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Đây là khoản dự phòng mà Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú – Công ty con cấp 1 của Tập đoàn, ghi nhận liên quan đến Dự án Khu nhà ở tại Phường Phước Long B, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh mà Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú đã nhận chuyển nhượng từ một đối tác từ năm 2017. Tuy nhiên, vào ngày 22 tháng 6 năm 2019, Ủy ban Nhân dân Thành Phố Hồ Chí Minh đã ra quyết định hủy bỏ quyết định cho phép chuyển nhượng dự án do có sai phạm trong việc chuyển nhượng. Ngày 18 tháng 12 năm 2021, Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm và đã ra phán quyết về vi phạm của bên đối tác trong việc chuyển nhượng dự án và xác định số thiệt hại mà bên đối tác phải chịu trách nhiệm bồi thường liên quan đến vụ việc này. Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú đã trích lập 62.473 triệu VND là số tiền mà Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú có thể sẽ phải trả liên quan đến phần diện tích đất đã chuyển nhượng cho khách hàng do hậu quả của việc hủy bỏ hợp đồng chuyển nhượng Dự án Phước Long B. Ngày 15 tháng 6 năm 2022, Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử phúc thẩm và đưa ra phán quyết giữ nguyên phán quyết của phiên tòa sơ thẩm về giá trị thiệt hại mà bên đối tác phải chịu trách nhiệm bồi thường liên quan đến vụ việc này. Tại ngày của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú vẫn đang chờ các hướng dẫn để giải quyết các vấn đề liên quan và đang tiến hành bàn giao lại dự án này cho đối tác (Thuyết minh 13(a)). Đồng thời, dựa trên các thông tin sẵn có, Ban lãnh đạo Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú đánh giá việc ghi nhận khoản dự phòng 62.473 triệu VND là phù hợp.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

30. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông của Tập đoàn Dệt May Việt Nam hoặc theo sự phê duyệt của Ban Giám đốc của các công ty con. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Tập đoàn và của các Công ty con theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tập đoàn. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	201.072.736.859	214.751.073.270
Trích lập trong kỳ	71.987.145.883	83.642.743.766
Sử dụng trong kỳ	(12.653.018.087)	(49.747.366.421)
Giảm do thoái vốn đầu tư vào công ty con	-	(246.124.948)
Số dư cuối kỳ	260.406.864.655	248.400.325.667

2024
CÔNG TY
VH HỮU
IG
-T.P.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

31. Thay đổi vốn chủ sở hữu

Số dư tại ngày 1/1/2024	5.000.000.000.000	30.361.932.352	214.733.466.584	(747.830.122.185)	777.414.063.148	816.435.249.442	543.092.845.095	2.370.847.363.686	9.005.054.798.122	20.172.889.902	9.025.227.688.024
Số dư tại ngày 1/1/2024 - đã báo cáo trước đây	5.000.000.000.000	30.361.932.352	214.733.466.584	(747.830.122.185)	777.414.063.148	832.462.153.175	543.092.845.095	2.406.730.447.445	9.076.964.785.614	20.172.889.902	9.097.137.675.516
Điều chỉnh lại	-	-	-	-	-	(36.026.903.733)	-	(35.883.083.759)	(71.909.987.492)	-	(71.909.987.492)
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	42.438.111.165	-	133.845.508.280	176.283.619.445	-	176.283.619.445
Chia cổ tức bằng cổ phiếu ở công ty con	-	-	1.790.450.000	-	-	(2.328.450.000)	-	538.000.000	-	-	-
Phân bổ vào các quỹ	-	-	300.000.000	-	32.652.661.669	(32.952.661.669)	-	-	-	-	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(51.505.987.172)	-	(32.136.756.594)	(83.642.743.766)	-	(83.642.743.766)
Cổ tức	-	-	-	-	-	(150.000.000.000)	-	(105.373.844.000)	(255.373.844.000)	-	(255.373.844.000)
Sử dụng các quỹ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(547.629.417)	(547.629.417)
Giảm do thoái vốn đầu tư vào công ty con	-	-	-	-	(11.357.906.886)	11.357.906.886	-	5.830.910.253	5.830.910.253	-	5.830.910.253
Các biến động khác	-	-	-	-	-	(158.320.886)	-	(195.679.114)	(354.000.000)	-	(354.000.000)
Số dư tại ngày 30/6/2024	5.000.000.000.000	30.361.932.352	216.823.916.584	(747.830.122.185)	798.708.817.931	633.285.847.766	543.092.845.095	2.373.355.502.511	8.847.798.740.054	19.625.260.485	8.867.424.000.539
Số dư tại ngày 1/1/2025	5.000.000.000.000	30.361.932.352	216.823.916.584	(747.830.122.185)	824.954.603.341	894.895.054.218	543.092.845.095	2.422.820.019.148	9.185.118.248.553	19.314.222.987	9.204.432.471.540
Số dư tại ngày 1/1/2025 - đã báo cáo trước đây	5.000.000.000.000	30.361.932.352	216.823.916.584	(747.830.122.185)	824.954.603.341	930.921.957.951	543.092.845.095	2.458.703.102.907	9.257.028.236.045	19.314.222.987	9.276.342.459.032
Điều chỉnh lại	-	-	-	-	-	(36.026.903.733)	-	(35.883.083.759)	(71.909.987.492)	-	(71.909.987.492)
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	352.921.389.036	-	231.181.311.230	584.102.700.266	-	584.102.700.266
Phân bổ quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	54.194.489.232	(54.194.489.232)	-	-	-	-	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(44.699.337.130)	-	(27.287.808.753)	(71.987.145.883)	-	(71.987.145.883)
Sử dụng các quỹ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(311.037.498)	(311.037.498)
Cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	(42.740.660.500)	(42.740.660.500)	-	(42.740.660.500)
Các biến động khác	-	-	-	-	-	(11.427.392.619)	-	(152.505.579.166)	(163.932.971.785)	-	(163.932.971.785)
Số dư tại ngày 30/6/2025	5.000.000.000.000	30.361.932.352	216.823.916.584	(747.830.122.185)	879.149.092.573	1.137.495.224.273	543.092.845.095	2.431.467.281.959	9.490.560.170.651	19.003.185.489	9.509.563.356.140

(*) Chênh lệch đánh giá lại tài sản là khoản chênh lệch phát sinh khi định giá lại giá trị khoản đầu tư tài chính dài hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Tập đoàn Dệt May Việt Nam - Công ty mẹ cho mục đích xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa theo quy định tại Điều 33 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP và tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 khi Tập đoàn Dệt May Việt Nam - Công ty mẹ chuyển thành công ty cổ phần. Do phần vốn góp của Tập đoàn Dệt May Việt Nam - Công ty mẹ trong các công ty nhận đầu tư vẫn được phân ánh theo giá gốc của khoản đầu tư thay vì giá trị được xác định lại, phần chênh lệch giữa giá trị xác định lại và giá gốc của các khoản đầu tư dài hạn này được ghi nhận là một khoản chênh lệch đánh giá lại tài sản trên báo cáo tài chính hợp nhất.



Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

32. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tập đoàn Dệt May Việt Nam là:

	30/6/2025 và 1/1/2025	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	500.000.000	5.000.000.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	500.000.000	5.000.000.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	500.000.000	5.000.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tập đoàn Dệt May Việt Nam. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tập đoàn Dệt May Việt Nam công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Vốn cổ phần đã phát hành cho các cổ đông như sau:

	Đã phát hành và đang lưu hành					
	Số cổ phiếu	30/6/2025 VND	%	1/1/2025 VND	%	
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước – Công ty TNHH ITOCHU Corporation Các cổ đông khác	267.438.100	2.674.381.000.000	53,49%	267.438.100	2.674.381.000.000	53,49%
	65.000.000	650.000.000.000	13,00%	65.000.000	650.000.000.000	13,00%
	167.561.900	1.675.619.000.000	33,51%	167.561.900	1.675.619.000.000	33,51%
	500.000.000	5.000.000.000.000	100%	500.000.000	5.000.000.000.000	100%



Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***33. Quỹ đầu tư phát triển**

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông của Tập đoàn Dệt May Việt Nam hoặc theo sự phê duyệt của Ban Giám đốc của các công ty con. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

34. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản

	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
Nguồn chuyển mục đích sử dụng đất		
▪ Tập đoàn Dệt May Việt Nam - Công ty mẹ	235.664.195.016	235.664.195.016
▪ Công ty TNHH MTV Dệt 8-3	170.496.650.079	170.496.650.079
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội	136.932.000.000	136.932.000.000
	<hr/>	<hr/>
	543.092.845.095	543.092.845.095

Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản từ nguồn chuyển mục đích sử dụng đất được Ngân sách Nhà nước giao cho Tập đoàn Dệt May Việt Nam để giải ngân cho các dự án đầu tư. Tập đoàn Dệt May Việt Nam có trách nhiệm quản lý và sử dụng số vốn được giao theo đúng quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn về cơ chế thanh toán vốn đầu tư thuộc nguồn vốn Ngân sách Nhà nước.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã hoàn thành và quyết toán Dự án Nhà máy Sợi Phú Hưng, Dự án Nhà máy Sợi Nam Định – Giai đoạn 1, Dự án Nhà máy Sợi Phú Cường – Giai đoạn 1, Dự án Nhà máy Kéo sợi và Dự án Nhà máy May Dệt kim, Dự án Di dời và Đầu tư Nâng cấp Xí nghiệp Sợi và Xí nghiệp Dệt, Dự án Đầu tư Nhà máy Kéo sợi mới hai vạn cọc sợi và Dự án Đầu tư Phát triển Dệt nhuộm tại Miền Trung. Tại ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Tập đoàn Dệt May Việt Nam đang trong quá trình làm việc với các bên hữu quan để xác định thời điểm và giá trị phần nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản được chuyển đổi thành vốn cổ phần thuộc sở hữu của Nhà nước tại Tập đoàn.

001
CÔNG
HÀNH
KẾ
LIÊN

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

35. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
Trong vòng một năm	70.094.459.776	72.808.369.266
Trong vòng hai đến năm năm	141.461.739.337	165.023.509.727
Sau năm năm	399.827.521.825	409.092.945.128
	611.383.720.938	646.924.824.121

(b) Ngoại tệ các loại

	30/6/2025		1/1/2025	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	2.998.625	79.023.198.136	3.669.062	92.863.314.896
EUR	101.267	3.047.153.564	101.375	2.647.223.746
		82.070.351.700		95.510.538.642

(c) Nợ khó đòi đã xử lý

	Nguyên nhân xóa sổ	Năm xóa sổ	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
Phải thu Công ty Cổ phần Dệt May Hapaco Hải Phòng	Không có khả năng thu hồi	2011	6.193.939.787	6.193.939.787
Phải thu Công ty TNHH MTV Dệt 19-5 Hà Nội	Không có khả năng thu hồi	2011	4.220.231.656	4.220.231.656
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Bạch Việt	Không có khả năng thu hồi	2024	2.883.059.365	2.883.059.365
Phải thu các đối tượng khác	Không có khả năng thu hồi		18.459.888.056	18.459.888.056
			31.757.118.864	31.757.118.864

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(d) Cam kết chi tiêu vốn**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, Tập đoàn có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán hợp nhất:

	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	353.193.321.530	591.758.232.022
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	427.055.915.912	129.230.818.727
	780.249.237.442	720.989.050.749

36. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2025 VND	30/6/2024 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng	8.400.634.618.599	7.702.375.190.165
▪ Cung cấp dịch vụ và gia công	261.366.502.579	212.507.962.201
▪ Bán và cho thuê bất động sản	44.899.332.204	53.609.879.105
	8.706.900.453.382	7.968.493.031.471
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	(9.396.323.305)	(9.505.751.741)
▪ Giảm giá hàng bán	(146.436.426)	(136.758.146)
▪ Hàng bán bị trả lại	(806.537.970)	(4.859.476.645)
	(10.349.297.701)	(14.501.986.532)
Doanh thu thuần	8.696.551.155.681	7.953.991.044.939

CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ CHỮ KÝ
HÀNG
HÀ NỘI

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

37. Giá vốn hàng bán

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Tổng giá vốn hàng bán của:		
▪ Thành phẩm và hàng hóa đã bán	7.367.433.518.440	7.002.110.553.957
▪ Dịch vụ đã cung ứng	133.872.399.853	141.847.867.798
▪ Cho thuê bất động sản	29.774.128.419	33.635.374.662
▪ Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(14.455.074.289)	(37.828.594.678)
	7.516.624.972.423	7.139.765.201.739

38. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Lãi tiền gửi và cho vay	73.472.466.337	63.475.794.785
Cổ tức được chia	12.604.982.000	10.369.766.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	94.063.544.243	93.858.525.401
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	62.730.206	1.275.910.140
Lãi do thanh lý công ty con và công ty liên kết	-	16.096.499.309
Thu nhập tiền lãi từ các khoản trả chậm	3.083.378.988	2.060.087.172
Doanh thu hoạt động tài chính khác	5.546.231.575	239.977.671
	188.833.333.349	187.376.560.478

39. Chi phí tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Chi phí lãi vay	163.158.208.280	174.475.079.492
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	39.227.690.963	63.313.209.177
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	53.156.469.195	64.552.676.563
(Hoàn nhập)/trích lập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(9.358.252.219)	7.663.335.564
Chi phí tài chính khác	5.163.023.587	9.722.761.006
	251.347.139.806	319.727.061.802

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***40. Chi phí bán hàng**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025 VND	30/6/2024 VND
Chi phí nhân viên bán hàng	30.150.972.346	31.511.909.758
Chi phí công cụ và dụng cụ	3.801.137.924	3.523.986.567
Chi phí khấu hao và phân bổ	3.887.373.936	4.387.634.321
Chi phí vận chuyển	80.814.879.614	77.788.199.166
Chi phí quảng cáo khuyến mãi	3.607.976.297	2.514.981.362
Chi phí dịch vụ mua ngoài	65.185.184.519	59.384.457.613
Chi phí bao bì	7.059.477.306	7.644.715.450
Chi phí hoa hồng	25.889.671.393	22.979.755.074
Chi phí xuất nhập khẩu	11.981.110.058	10.491.243.093
Chi phí bán hàng khác	11.581.092.336	9.952.825.299
	243.958.875.729	230.179.707.703

41. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025 VND	30/6/2024 VND
Chi phí nhân viên văn phòng	213.428.300.815	194.030.525.698
Chi phí đồ dùng văn phòng và vật liệu quản lý	7.482.515.414	6.681.993.758
Chi phí khấu hao và phân bổ	33.123.918.049	32.674.177.207
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi	9.721.505.136	(3.748.227.460)
Thuế, phí và lệ phí	10.210.652.587	8.816.457.096
Chi phí dịch vụ mua ngoài	66.597.698.455	56.992.208.251
Tiền thuê đất	68.498.362.211	64.737.884.540
Công tác phí	5.849.029.174	2.699.693.110
Chi phí tiếp khách	4.866.747.737	5.016.566.453
Chi phí khác	57.251.163.687	45.472.969.647
	477.029.893.265	413.374.248.300

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

42. Thu nhập khác

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	1.446.833.867	4.143.522.731
Thu từ hoạt động cấp điện, nước và các dịch vụ khác	6.095.143.070	5.837.803.073
Thu tiền phạt vi phạm hợp đồng	5.415.871.294	5.339.799.734
Xử lý công nợ	-	1.892.267.768
Thu từ các khoản khác	12.847.865.712	9.300.181.725
	25.805.713.943	26.513.575.031

43. Chi phí khác

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Lỗ do thanh lý tài sản cố định	6.412.598	193.965.345
Trả tiền bồi thường do vi phạm hợp đồng	-	575.271.203
Phạt vi phạm thuế	4.772.439	681.830.182
Chi phí hoạt động cấp điện, nước và các dịch vụ khác	5.816.833.049	5.697.404.548
Khấu hao tài sản cố định chờ thanh lý	-	3.693.508.050
Chi các khoản khác	8.168.014.695	7.894.533.239
	13.996.032.781	18.736.512.567

44. Chi phí sản xuất, thương mại và kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất và chi phí mua hàng hóa để bán lại	4.847.133.336.721	4.513.366.729.292
Chi phí nhân viên	1.868.224.273.235	1.583.842.187.079
Chi phí khấu hao	398.670.022.703	389.753.585.733
Chi phí dịch vụ mua ngoài	981.614.863.875	967.014.349.776
Chi phí khác	238.392.405.877	239.389.893.065

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***45. Thuế thu nhập****(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập hiện hành		
Kỳ hiện hành	72.759.264.486	47.700.905.142
Dự phòng thiếu trong những năm trước	15.500.997	46.122.431
	72.774.765.483	47.747.027.573
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	10.098.513.744	58.495.452.154
Chi phí thuế thu nhập	82.873.279.227	106.242.479.727

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	666.975.979.493	282.526.099.172
Thuế tính theo thuế suất của Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam	133.395.195.899	56.505.219.834
Ưu đãi thuế	(805.974.272)	-
Ảnh hưởng của các mức thuế suất khác áp dụng cho các công ty con	(2.591.541.295)	(2.943.703.618)
Chi phí không được khấu trừ thuế	11.396.037.333	7.704.561.873
Thu nhập không bị tính thuế	(54.269.534.505)	(49.359.483.367)
Lỗ tính thuế được sử dụng	(4.179.447.230)	(690.440.238)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với lỗ tính thuế của năm hiện hành	1.047.501.801	98.222.096.615
Biến động chênh lệch tạm thời chưa được ghi nhận	(1.134.459.501)	(3.241.893.803)
Dự phòng thiếu trong những năm trước	15.500.997	46.122.431
	82.873.279.227	106.242.479.727

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(c) Thuế suất áp dụng**

Theo quy định của Luật thuế thu nhập hiện hành, Tập đoàn Dệt May Việt Nam - Công ty mẹ có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Các công ty con của Tập đoàn có nghĩa vụ phải nộp cho Ngân sách Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất quy định của pháp luật thuế hiện hành áp dụng cho từng công ty.

46. Lãi trên cổ phiếu**(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về các cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi ước tính cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền. Chi tiết như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
Lợi nhuận thuần trong kỳ phân bổ cho các cổ đông công ty mẹ (VND)	352.921.389.036	42.438.111.165
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND)	(5.000.000.000)	(9.250.000.000)
Lợi nhuận thuần thuộc về các cổ đông phổ thông của Tập đoàn Dệt May Việt Nam (VND)	347.921.389.036	33.188.111.165
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ (số cổ phiếu)	500.000.000	500.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	696	66

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi suy giảm trên cổ phiếu cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về các cổ đông phổ thông của Tập đoàn Dệt May Việt Nam và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành sau khi điều chỉnh ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông tiềm tàng, chi tiết như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
Lợi nhuận thuần thuộc về các cổ đông phổ thông của Tập đoàn Dệt May Việt Nam (VND)	347.921.389.036	33.188.111.165
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ (số cổ phiếu)	500.000.000	500.000.000
Anh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm tàng trong trường hợp chuyển đổi nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản thành vốn cổ phần (số cổ phiếu) (Thuyết minh 34)	54.309.285	54.309.285
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông (suy giảm) (số cổ phiếu)	554.309.285	554.309.285
Lãi suy giảm trên cổ phiếu trong trường hợp chuyển đổi nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản thành vốn cổ phần (VND)	628	60

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***47. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trong kỳ Tập đoàn có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2025 VND	30/6/2024 VND
Công ty mẹ		
<i>Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước - Công ty TNHH</i>		
Cổ tức đã chia	-	80.231.430.000
Các công ty liên kết		
<i>Tổng Công ty May Nhà Bè - CTCP</i>		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	150.172.438	987.957.262
Mua hàng hóa và dịch vụ	1.327.915.674	66.694.908
<i>Tổng Công ty May Đức Giang - CTCP</i>		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	-	275.069.600
Mua hàng hóa và dịch vụ	17.169.027.455	4.486.203.502
<i>Công ty Cổ phần May Bình Minh</i>		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	256.098.505	260.675.579
<i>Công ty Cổ phần Vinatex Đà Nẵng</i>		
Bán hàng hóa, dịch vụ	12.028.094.820	-
<i>Công ty Cổ phần May Đáp Cầu</i>		
Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	30.000.000	-
Mua dịch vụ	892.594.296	-
Chi phí lãi vay	131.857.534	-
<i>Công ty Cổ phần May Nam Định</i>		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	158.848.408	314.495.159
<i>Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến</i>		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	-	1.809.645.421
Mua hàng hóa và dịch vụ	899.609.156	-
Mua tài sản cố định	-	8.462.550.000
<i>Tổng Công ty Việt Thắng - CTCP</i>		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	569.274.750	779.939.415
Mua hàng hóa và dịch vụ	-	830.433.357

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2025 VND	30/6/2024 VND
<i>Tổng Công ty May 10 - CTCP</i>		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	456.052.005	462.727.737
Mua hàng hóa và dịch vụ	8.284.477.427	4.526.658.504
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Vinatex</i>		
Cung cấp dịch vụ	684.725.610	-
<i>Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dệt May Nam Định</i>		
Doanh thu cho thuê tài sản	409.230.000	-
<i>Công ty Cổ phần Dệt - Dệt May Nam Định</i>		
Bán hàng hóa	165.869.490.640	246.190.117.443
Mua hàng hóa và dịch vụ	130.983.359.452	206.854.741.132
Thu nhập lãi trả chậm	921.818.949	1.822.251.520
Thu nhập khác	19.240.000	6.650.000
<i>Công ty CP May IV Dệt May Nam Định</i>		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	1.125.533.243	-
<i>Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Phú Ninh</i>		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	1.174.413.663	2.060.953.067
Mua hàng hóa và dịch vụ	38.235.668.108	30.411.781.794
Khoản hoàn trả gốc cho vay	1.171.430.000	1.171.430.000
Thu nhập từ lãi cho vay	217.943.325	292.763.655
<i>Công ty Cổ phần Hòa Thọ - Quảng Nam</i>		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	126.407.885	266.955.875
Mua hàng hóa	5.411.316.333	32.676.716.387
<i>Công ty TNHH Coats Phong Phú</i>		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	420.967.770.345	349.087.037.366
Mua hàng hóa và dịch vụ	196.491.976.353	162.267.970.289
<i>Công ty Cổ phần Dệt May Nha Trang</i>		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	7.207.200.000	-
Mua hàng hóa và dịch vụ	10.017.095.007	17.392.502.072

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Giá trị giao dịch
Kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30/6/2025 30/6/2024
VND VND

Thù lao, lương, thưởng và phúc lợi khác của người quản lý chủ chốt

Thành viên Hội đồng Quản trị

Ông Lê Tiến Trường – Chủ tịch	525.624.400	524.240.000
Ông Trần Quang Nghị – Phó Chủ tịch	86.080.000	82.080.000
Ông Cao Hữu Hiếu – Thành viên kiêm Tổng Giám đốc	503.140.791	502.640.000
Ông Đặng Vũ Hùng – Thành viên	54.000.000	54.000.000
Ông Vũ Hồng Tuấn – Thành viên	320.802.400	54.000.000
Ông Nguyễn Xuân Đông – Thành viên	54.000.000	54.000.000
Bà Lê Ngọc Diệp – Thành viên (từ ngày 16/6/2025)	4.714.286	-

Cơ quan Tổng Giám đốc bao gồm cả

Trưởng Ban Tài chính Kế toán

Những người quản lý khác	2.106.247.198	1.927.520.000
--------------------------	---------------	---------------

Ban Kiểm soát

Các thành viên Ban kiểm soát	459.373.798	443.560.982
------------------------------	-------------	-------------

48. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính

Kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30/6/2025 30/6/2024
VND VND

Tăng khoản vay tương ứng với tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	-	5.276.088.906
--	---	---------------

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***49. Thông tin so sánh**

Khi lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025, Ban lãnh đạo Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú, một công ty con của Tập đoàn, đã thực hiện điều chỉnh lại một số số liệu so sánh liên quan đến việc ghi nhận tăng chi phí thuê đất phải nộp cho giai đoạn từ năm 2007 đến năm 2020 tại Khu đất số 2 Trường Chinh, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh với số tiền là 71.910 triệu VND theo thông báo số 11911/TB-CCTKV02 của Chi Cục thuế Khu vực II. Theo đó, các số liệu so sánh tương ứng trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Tập đoàn Dệt May Việt Nam cũng được điều chỉnh lại.

Bảng so sánh số liệu trong năm trước, trước và sau khi được điều chỉnh lại trong báo cáo tài chính hợp nhất, được trình bày như sau:

Bảng cân đối kế toán hợp nhất

	1/1/2025 Theo báo cáo trước đây VND	1/1/2025 Điều chỉnh hồi tố VND	1/1/2025 Đã điều chỉnh lại VND
Thuế và các khoản phải nộp			
Nhà nước	70.518.290.948	71.909.987.492	142.428.278.440
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	930.921.957.951	(36.026.903.733)	894.895.054.218
- <i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước</i>	606.539.021.397	(36.026.903.733)	570.512.117.664
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	2.458.703.102.907	(35.883.083.759)	2.422.820.019.148

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Ngoại trừ trường hợp được điều chỉnh lại được nêu trên:

- Số liệu so sánh trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và các thuyết minh liên quan tại ngày 1 tháng 1 năm 2025 được mang sang từ số liệu được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024; và
- Số liệu so sánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các thuyết minh liên quan được mang sang từ số liệu được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024.

Ngày 29 tháng 8 năm 2025

Người lập:



Nguyễn Thị Nga
Phó Ban Tài chính Kế toán



Nguyễn Ngọc Cách
Trưởng Ban Tài chính Kế toán

Người duyệt:



Cao Hữu Hiếu
Tổng Giám đốc

Phụ lục 1

Các công ty con cấp 1 của Tập đoàn Dệt May Việt Nam mà báo cáo tài chính của các công ty con này đã được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất

STT	Tên đơn vị	Tổng tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn		Giá trị đầu tư của Tập đoàn Dệt May Việt Nam theo giá gốc khoản đầu tư VND		Giá trị đầu tư của các công ty khác trong Tập đoàn theo giá gốc khoản đầu tư VND	
		30/6/2025	1/1/2025	30/6/2025	1/1/2025	30/6/2025	1/1/2025
1	Công ty TNHH Một thành viên Dệt kim Đồng Xuân	100%	100%	115.191.925.340	115.191.925.340	-	-
2	Công ty TNHH Một thành viên Dệt kim Đồng Phương	100%	100%	163.627.554.636	163.627.554.636	-	-
3	Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Nguyên liệu Dệt May Việt Nam	80,74%	80,74%	24.852.076.451	24.852.076.451	17.282.879.453	17.282.879.453
4	Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài	63,77%	63,77%	122.656.621.350	122.656.621.350	7.495.524.000	7.495.524.000
5	Công ty Cổ phần Phát Triển Hạ tầng Dệt May Phố Mới	51,00%	51,00%	38.633.449.251	38.633.449.251	-	-
6	Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hoà Thọ	61,87%	61,87%	189.153.465.950	189.153.465.950	-	-
7	Công ty Cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu Dệt May	68,34%	68,34%	26.032.500.000	26.032.500.000	-	-
8	Công ty Cổ phần Dệt May Huế	60,86%	60,86%	172.033.729.000	172.033.729.000	-	-
9	Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định	53,67%	53,67%	81.555.023.813	81.555.023.813	-	-
10	Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú	50,10%	50,10%	532.242.925.014	532.242.925.014	-	-
11	Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Bắc - Vinatex	100%	100%	500.000.000.000	500.000.000.000	-	-
12	Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Nam - Vinatex	100%	100%	191.301.358.205	191.301.358.205	-	-
13	Công ty Cổ phần Vinatex Phú Hưng	52%	52%	33.800.000.000	33.800.000.000	-	-

Phụ lục 2

Các công ty con cấp 2 của Tập đoàn Dệt may Việt Nam mà báo cáo tài chính của các công ty con này đã được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất

STT	Tên đơn vị	Tổng tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn		Tỷ lệ sở hữu của công ty mẹ trực tiếp		Giá trị đầu tư của công ty mẹ trực tiếp theo mệnh giá gốc khoản đầu tư VND		Giá trị đầu tư của các công ty khác trong Tập đoàn theo giá gốc khoản đầu tư VND	
		30/6/2025	1/1/2025	30/6/2025	1/1/2025	30/6/2025	1/1/2025	30/6/2025	1/1/2025
Công ty con của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ									
1	Công ty Cổ phần Thời trang Hòa Thọ	47,56%	47,56%	76,88%	76,88%	2.667.900.000	2.667.900.000	-	-
2	Công ty May Hòa Thọ - Hội An	33,52%	33,52%	54,18%	54,18%	5.418.000.000	5.418.000.000	-	-
3	Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Duy Xuyên	50,56%	50,56%	81,73%	81,73%	8.173.000.000	8.173.000.000	-	-
4	Công ty TNHH Một thành viên Cơ khí Xây dựng Hòa Thọ	61,87%	61,87%	100%	100%	2.000.000.000	2.000.000.000	-	-
5	Công ty Cổ phần Hòa Thọ Thăng Bình	46,08%	46,08%	74,49%	74,49%	74.490.000.000	74.490.000.000	-	-
Công ty con của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định									
6	Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Dệt Nam Định	28,19%	28,19%	52,52%	52,52%	2.876.479.633	2.876.479.633	-	-
7	Công ty TNHH Một thành viên Chăn Len – Dệt may Nam Định	53,67%	53,67%	100%	100%	5.000.000.000	5.000.000.000	-	-
8	Công ty Cổ phần Dệt Khăn Dệt May Nam Định	33,59%	33,59%	62,58%	62,58%	5.632.500.000	5.632.500.000	-	-
9	Công ty TNHH Một thành viên May 2 – Dệt may Nam Định	53,67%	53,67%	100%	100%	8.000.000.000	8.000.000.000	-	-
Công ty con của Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú									
10	Công ty Cổ phần Dệt gia dụng Phong Phú	45,09%	45,09%	90%	90%	144.000.000.000	144.000.000.000	-	-
11	Công ty Cổ phần Nam Dương Phú (i)	48,73%	48,24%	98,98%	97,97%	28.800.000.000	14.400.000.000	6.000.000.000	3.000.000.000
Công ty con của Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Bắc - Vinatex									
12	Công ty TNHH Một thành viên Dệt 8-3	100%	100%	100%	100%	128.068.211.370	128.068.211.370	-	-
13	Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội	57,57%	57,57%	57,57%	57,57%	118.026.000.000	118.026.000.000	-	-
14	Công ty Cổ phần Vinatex Hồng Lĩnh	87,75%	87,75%	87,75%	87,75%	70.200.000.000	70.200.000.000	-	-



Phụ lục 3

Các công ty con cấp 3 của Tập đoàn Dệt may Việt Nam mà báo cáo tài chính của các công ty con này đã được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất

STT	Tên đơn vị	Tổng tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn		Tỷ lệ sở hữu của công ty mẹ trực tiếp		Giá trị đầu tư của công ty mẹ trực tiếp theo giá gốc khoản đầu tư VND		Giá trị đầu tư của các công ty khác trong Tập đoàn theo giá gốc khoản đầu tư VND	
		30/6/2025	1/1/2025	30/6/2025	1/1/2025	30/6/2025	1/1/2025	30/6/2025	1/1/2025
Công ty con của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội									
15	Cty Cổ phần Thời trang Hanosimex	37,42%	37,42%	65,00%	65,00%	5.850.000.000	5.850.000.000	-	-
16	Công ty Cổ phần Thương mại Hải Phòng Hanosimex	29,40%	29,40%	51,07%	51,07%	5.107.360.406	5.107.360.406	-	-
17	Công ty Cổ phần May Hải Phòng Hanosimex	34,67%	34,67%	50,00%	50,00%	1.250.000.000	1.250.000.000	500.000.000	500.000.000
18	Công ty Cổ phần Dệt Hà Đông Hanosimex	30,65%	30,65%	53,23%	53,23%	13.039.194.560	13.039.194.560	-	-
19	Công ty Cổ phần Dệt kim Hanosimex	77,19%	77,19%	51,32%	51,32%	19.500.000.000	19.500.000.000	13.274.943.881	13.274.943.881

(i) Trong năm, Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú – công ty con cấp 1 và Công ty Cổ phần Dệt Gia Dụng Phong Phú – công ty con cấp 2 tiếp tục hoàn thành việc góp vốn vào Công ty Cổ phần Nam Dương Phú. Do đó, tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn Dệt may Việt Nam trong Công ty Cổ phần Nam Dương Phú tăng từ 48,24% lên 48,73%.



Phụ lục 4

Các công ty liên kết của Tập đoàn được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu trong báo cáo tài chính hợp nhất

STT	Tên đơn vị	Tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn		Giá trị đầu tư theo mệnh giá VND	
		30/6/2025	1/1/2025	30/6/2025	1/1/2025
Công ty liên kết của Tập đoàn Dệt May Việt Nam					
1	Tổng Công ty May Nhà Bè – Công ty Cổ phần	25,20%	25,20%	50.400.000.000	50.400.000.000
2	Tổng Công ty Đức Giang – Công ty Cổ phần	35,22%	35,22%	31.692.220.000	31.692.220.000
3	Tổng Công ty May Hưng Yên – Công ty Cổ phần	35,01%	35,01%	68.305.620.000	68.305.620.000
4	Công ty Cổ phần May Bình Minh	25,00%	25,00%	13.230.000.000	13.230.000.000
5	Công ty Cổ phần May Hữu Nghị	29,24%	29,24%	69.533.920.000	69.533.920.000
6	Công ty Cổ phần May Đồng Nai	25,65%	25,65%	28.108.080.000	28.108.080.000
7	Công ty Cổ phần Vinatex Đà Nẵng	28,64%	28,64%	9.000.000.000	9.000.000.000
8	Công ty Cổ phần May Đáp Cầu	24,04%	24,04%	16.407.300.000	16.407.300.000
9	Công ty Cổ phần May Nam Định	30%	30%	13.571.000.000	13.571.000.000
10	Công ty TNHH May mặc Xuất khẩu Tân Châu	44%	44%	3.564.000.000	3.564.000.000
11	Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng và Dịch vụ Đầu tư	23,46%	23,46%	610.000.000	610.000.000
12	Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến	30,40%	30,40%	134.059.200.000	134.059.200.000
13	Tổng Công ty Việt Thắng – Công ty Cổ phần	46,93%	46,93%	98.550.000.000	98.550.000.000
14	Tổng Công ty May 10 – Công ty Cổ phần	32,21%	32,21%	102.273.980.000	102.273.980.000
15	Công ty Cổ phần Dệt May Viễn thông Sài Gòn Vina	30%	30%	85.443.720.435	85.443.720.435
16	Công ty Cổ phần Dệt May Liên Phương	30,60%	30,60%	95.877.720.000	95.877.720.000
17	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Vinatex	35,10%	35,10%	38.610.000.000	38.610.000.000
Công ty liên kết của Tổng Công Ty Cổ phần Dệt may Nam Định					
18	Công ty Cổ phần Đô thị Dệt May Nam Định	26,81%	26,81%	31.100.000.000	31.100.000.000
19	Công ty Cổ phần Dệt – Dệt May Nam Định	24,67%	24,67%	13.791.000.000	13.791.000.000
20	Công ty Cổ phần May IV Dệt Nam Định	13,96%	13,96%	1.950.000.000	1.950.000.000
Công ty liên kết của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ					
21	Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Phú Ninh	12,37%	12,37%	4.000.000.000	4.000.000.000
22	Công ty Cổ phần Hòa Thọ - Quảng Nam	18,94%	18,94%	6.428.000.000	6.428.000.000

Phụ lục 4

Các công ty liên kết của Tập đoàn được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu trong báo cáo tài chính hợp nhất

STT	Tên đơn vị	Tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn		Giá trị đầu tư theo mệnh giá VND	
		30/6/2025	1/1/2025	30/6/2025	1/1/2025
Công ty liên kết của Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú					
23	Công ty TNHH Coats Phong Phú	17,86%	17,86%	85.253.638.578	85.253.638.578
24	Công ty Cổ phần đầu tư phát triển nhà và đô thị HUD Sài Gòn	10,77%	10,77%	10.000.000.000	10.000.000.000
25	Công ty Cổ phần May Đà Lạt	20,04%	20,04%	4.231.000.000	4.231.000.000
26	Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Phong Phú - Daewon – Thủ Đức	23,87%	23,87%	125.190.000.000	125.190.000.000
27	Công ty Cổ phần Dệt Đông Nam	18,03%	18,03%	43.315.720.000	43.315.720.000
28	Công ty Cổ phần Dệt May Nha Trang	11,97%	11,97%	56.143.750.000	56.143.750.000
29	Công ty Cổ phần Xúc tiến Thương mại và Đầu tư Phong Phú	15,89%	15,89%	6.341.919.708	6.341.919.708

